

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6956** /BKHĐT-ĐKKD

Hà Nội, ngày **20** tháng **10** năm 2020

V/v thẩm định Dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XIV và sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Theo Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Nghị định về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn.

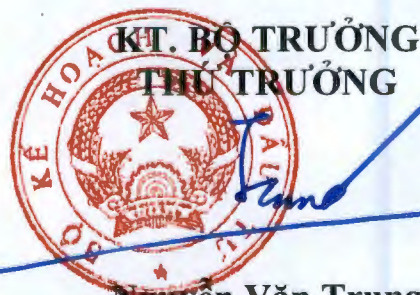
Trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và ý kiến góp ý, đề xuất của các Bộ, ngành, các Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cá nhân, tổ chức có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Quý Bộ thẩm định Dự thảo Nghị định nêu trên theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên (gửi kèm theo Hồ sơ đề nghị thẩm định);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, ĐKKD(NV).M₃



Nguyễn Văn Trung



DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Kèm theo Công văn số 6956./BKHT-ĐKKD ngày 20./10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Dự thảo Tờ trình	
2	Dự thảo Nghị định	
3	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	
4	Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính	
5	Bản sao Công văn góp ý của các Bộ, ngành, các Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức khác	

(Ban hành kèm theo Công văn số 6956/BKHĐT-ĐKKD ngày 20/10/2020)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **TT-BKHĐT**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 17/6/2020, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XIV đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Luật Doanh nghiệp năm 2020), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Ngày 24/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1109/QĐ-TTg về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, theo đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì nghiên cứu, soạn thảo 04 Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp năm 2020, trong đó có Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và hoàn thành Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (Dự thảo Nghị định). Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ Dự thảo Nghị định với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Hướng dẫn một số nội dung của Luật Doanh nghiệp năm 2020

Luật Doanh nghiệp năm 2020 tiếp tục có những bước cải cách đáng kể, tạo thuận lợi cho việc thành lập và đăng ký doanh nghiệp, cắt giảm chi phí và thời gian khởi sự kinh doanh nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhằm cụ thể hóa những quy định tại Luật, Nghị định về đăng ký doanh nghiệp được giao hướng dẫn 10 nội dung của Luật Doanh nghiệp năm 2020, cụ thể như sau:

- Khoản 6 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký doanh nghiệp;

- Khoản 5 Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Khoản 3 Điều 33 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết về cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- Khoản 6 Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; thông báo địa điểm kinh doanh;

- Khoản 4 Điều 206 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục phối hợp giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh;

- Khoản 9 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp;

- Khoản 2 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Khoản 4 Điều 213 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

- Khoản 2 Điều 216 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định về hệ thống tổ chức Cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Khoản 4 Điều 217 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giao Chính phủ quy định về việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

2. Hướng dẫn chi tiết một số nội dung có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác

Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Điều 71 Luật này giao Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2018/NĐ-CP để hướng dẫn quy định này tại Luật Chứng khoán.

Bên cạnh đó, Điều 24 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đăng ký kinh doanh; văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật”. Điều 163 Luật này quy định: “Chính phủ quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước”.

Ngoài ra, một số nội dung liên quan đến đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp xã hội hiện đang được quy định tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Do vậy, việc thống nhất các quy định có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp là cần thiết, tạo thuận lợi cho việc triển khai áp dụng, theo dõi, tra cứu và thực hiện.

3. Khắc phục những nội dung vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP đã có những cải cách đột phá trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường, được Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và các nhà tài trợ quốc tế đánh giá cao.

Tuy nhiên, trong quá trình thi hành Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP cho thấy một số quy định chưa giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành. Cụ thể như sau:

a) Về việc xử lý trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP đã có quy định xử lý đối với trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác. Tuy nhiên, các Nghị định này chưa quy định rõ thời hạn doanh nghiệp phải làm lại hồ sơ và cách thức xử lý trường hợp doanh nghiệp không làm lại hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh. Điều này dẫn đến tình trạng thông tin không trung thực, không chính xác chưa được xử lý kịp thời, triệt để, gây ảnh hưởng đến lợi ích của các bên có liên quan.

b) Về việc xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

Quá trình theo dõi và thực hiện công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp cho thấy quy định về xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo còn gây lúng túng cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi nội dung kê khai được xác định là giả

mạo tại lần đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không phải lần cuối cùng. Trong trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh thường gặp khó trong xác định việc khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất và xử lý các nội dung hợp lệ của các lần đăng ký thay đổi tiếp theo. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết cách thức xử lý trường hợp nêu trên tại Dự thảo Nghị định là cần thiết để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi hành thời gian vừa qua.

c) Về việc đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP thì doanh nghiệp không được đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế xảy ra trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một cá nhân làm chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân chết và để lại thừa kế cho từ hai người trở lên. Trường hợp này, công ty bắt buộc phải đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật. Do vậy, quy định trên đã gây vướng mắc trong thực tế triển khai, làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, đồng thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tế và hoàn thiện khung pháp lý về đăng ký doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình gia nhập thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh thì việc xây dựng Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, thay thế Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP là hết sức cần thiết.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục tiêu xây dựng Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng với các mục tiêu chính như sau:

- Thứ nhất, hướng dẫn, quy định chi tiết, đầy đủ các nội dung quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Thứ hai, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cắt giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp cũng như cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Thứ ba, tôn trọng quyền tự chủ của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, thành viên;

2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên các quan điểm cơ bản sau đây:

- Bám sát nội dung của Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm cụ thể hóa những đổi mới, cải cách trong công tác đăng ký doanh nghiệp đã được quy định tại Luật.

- Kế thừa những quy định của của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2018/NĐ-CP đang thực hiện ổn định, không có vướng mắc và phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi gia nhập thị trường, trong quá trình hoạt động cũng như khi rút lui khỏi thị trường, đồng thời đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1109/QĐ-TT, ngay sau khi Luật Doanh nghiệp 2020 được thông qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Ngày 30/7/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 4891/BKHĐT-ĐKKD gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tổng hợp vướng mắc trong quá trình thi hành Nghị định, Thông tư về đăng ký doanh nghiệp. Ngày 09/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các Quyết định số 1373/QĐ-BKHĐT và số 1374/QĐ-BKHĐT về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định gồm đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan. Ngày 25/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp Ban soạn thảo và Tổ biên tập để xin ý kiến đối với bản Dự thảo 1 Nghị định. Trên cơ sở đóng góp ý kiến của các thành viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện Dự thảo 2 Nghị định và thực hiện việc đăng tải Dự thảo 2 Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời, gửi Dự thảo 2 Nghị định xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến của 02 Bộ, ngành, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và 27/63 Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày .../.../2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số .../BKHĐT-ĐKKD gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định. Ngày .../2020, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP thẩm định đối với Dự thảo Nghị định nêu trên.

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh nội dung Dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định về cơ bản giữ nguyên bố cục của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã được thực hiện ổn định, bao gồm 09 chương với 96 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Quy định chung (13 điều);
- Chương II. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp (4 điều);
- Chương III. Đăng ký tên doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (3 điều);
- Chương IV. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (21 điều);
- Chương V. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (5 điều);
- Chương VI. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (19 điều);
- Chương VII. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (11 điều);
- Chương VIII. Hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh (16 điều);
- Chương IX. Điều khoản thi hành (4 điều).

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định

2.1. Các nội dung được giao hướng dẫn tại Luật Doanh nghiệp năm 2020

a) Khoản 6 Điều 26 Luật Doanh nghiệp về hồ sơ, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký doanh nghiệp

Bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

- Một là, thành phần hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp được bám sát quy định tại các Điều 19, 20, 21 và 22 Luật Doanh nghiệp, trong đó, phân tách, quy định rõ thành phần hồ sơ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hai thành viên trở lên để phù hợp với mô hình hoạt động và quản trị của

công ty. So với Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Dự thảo Nghị định đã bỏ thành phần hồ sơ là danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên và danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Hai là, Dự thảo Nghị định chỉ quy định về đầu mục thành phần hồ sơ, không quy định cụ thể nội dung của giấy đề nghị hoặc thông báo trong thành phần hồ sơ. Nội dung cụ thể của các giấy đề nghị, thông báo được quy định tại biểu mẫu trong Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, dự kiến được ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với thời điểm có hiệu lực của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Ba là, hoàn thiện các quy định đối với đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, không yêu cầu người thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy trong trường hợp đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

Bốn là, bổ sung quy định về việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính nhằm hướng dẫn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Năm là, bổ sung quy định về việc cho phép doanh nghiệp được đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp cũng như xử lý tình trạng hồ sơ bị treo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do doanh nghiệp không hoàn thiện được hồ sơ theo yêu cầu.

Sáu là, sửa đổi, bổ sung quy định về việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác.

b) Khoản 5 Điều 30 Luật Doanh nghiệp về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Nội dung này được hướng dẫn tại Chương VI Dự thảo Nghị định, bao gồm một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

Một là, Dự thảo Nghị định không quy định thêm giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cắt giảm thành phần hồ sơ so với Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP trong một số trường hợp vì thiết kế Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho

phép cơ quan đăng ký kinh doanh có thể trích xuất thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, như trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp không phải nộp lại Điều lệ công ty, danh sách thành viên, danh sách cổ đông sáng lập; bãi bỏ quy định về việc nội dung quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty vì Luật Doanh nghiệp năm 2020 không quy định nội dung của biên bản họp, nghị quyết, quyết định phải có những nội dung trên. Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng không có Điều lệ cập nhật của doanh nghiệp để theo dõi, đối chiếu các nội dung thay đổi.

Hai là, bổ sung hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong một số trường hợp đặc biệt. Trong quá trình hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận một số trường hợp phát sinh trong thực tế có thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa có quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện, gây lúng túng cho doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh. Do đó, Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong một số trường hợp khá phổ biến trên thực tế như: đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ; đăng ký thay đổi thành viên, chủ sở hữu công ty theo quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do tách doanh nghiệp.

Bà là, sửa đổi quy định cho phép doanh nghiệp có thể thực hiện đồng thời đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và thay đổi người đại diện theo pháp luật nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

c) Khoản 3 Điều 33 Luật Doanh nghiệp về cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp

Về cơ bản, việc cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định tại Dự thảo Nghị định bám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và giữ nguyên như quy định hiện hành. Bên cạnh đó, Dự thảo Nghị định đã nghị định hóa quy định về việc cung cấp thông tin công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại Thông tư số 20/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

d) Khoản 4 Điều 206 Luật Doanh nghiệp về việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh

Một là, Dự thảo Nghị định quy định rút ngắn thời gian doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo từ 15 ngày xuống còn 3 ngày làm việc, đảm bảo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có thể nhanh chóng tạm thời rút lui khỏi thị trường, hạn chế phát sinh thêm chi phí hoặc nắm bắt cơ hội, quay trở lại hoạt động kinh doanh kịp thời.

Bên cạnh đó, để đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp và tạo điều kiện tăng tỷ lệ các doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, Dự thảo Nghị định đã bỏ quy định về việc doanh nghiệp không được tạm ngừng 2 năm liên tiếp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh, thời gian tạm ngừng kinh doanh mỗi lần thông báo không được quá một năm.

Hai là, để đảm bảo hướng dẫn quy định được giao tại Luật, Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phối hợp, tiếp nhận, xử lý các văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về việc yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh. Theo đó, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc cho phép tiếp tục kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

đ) Khoản 9 Điều 208 Luật Doanh nghiệp về đăng ký giải thể doanh nghiệp

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về việc doanh nghiệp có thể quyết định hủy bỏ quyết định giải thể trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quyết định của doanh nghiệp. Quy định này nhằm đảm bảo quyền tự chủ quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh và việc giải thể của chính doanh nghiệp mình. Cơ quan quản lý nhà nước không dùng quyết định hành chính để chấp thuận hoặc từ chối việc doanh nghiệp không muốn tiếp tục giải thể. Trên cơ sở đó, Dự thảo Nghị định quy định trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải thể doanh nghiệp và doanh nghiệp chưa chuyển sang tình trạng đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp không muốn tiếp tục thực hiện giải thể, doanh nghiệp gửi quyết định hủy bỏ quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh đăng tải quyết định hủy bỏ quyết định giải thể trên Cổng thông

tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

e) Khoản 2 Điều 212 Luật Doanh nghiệp về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Trên cơ sở nhận diện các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn triển khai áp dụng quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, nhằm đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và thống nhất áp dụng trên cả nước, Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng như sau: Bước 1: hủy bỏ những nội dung thay đổi được cấp trên thông tin giả mạo, cấp Giấy trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó; Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ, doanh nghiệp có thể gộp các lần đăng ký thay đổi hợp pháp để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật nhằm đảm bảo hướng dẫn nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

g) Khoản 4 Điều 213 Luật Doanh nghiệp về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Về cơ bản, Dự thảo Nghị định giữ nguyên nội dung quy định về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Bổ sung quy định về các trường hợp thu hồi và trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để đảm bảo hướng dẫn quy định được giao tại Luật.

h) Khoản 2 Điều 216 Luật Doanh nghiệp quy định về hệ thống tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh

Về cơ bản, Dự thảo Nghị định giữ nguyên nội dung quy định về tổ chức của cơ quan đăng ký kinh doanh; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh, của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan đã được quy định và thực hiện ổn định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

i) Khoản 4 Điều 217 Luật Doanh nghiệp quy định về hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh

Trên cơ sở kế thừa những nội dung quy định về hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh đã được Chính phủ thông qua tại Dự thảo Luật Doanh nghiệp

trình lên Quốc hội, đồng thời rà soát, tổng hợp các nội dung còn vướng mắc tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết các nội dung cụ thể về hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Một là, quy định chủ thể thành lập hộ kinh doanh là cá nhân, thành viên hộ gia đình. Trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thì phải ủy quyền cho một thành viên làm đại diện đăng ký hộ kinh doanh. Cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đăng ký hộ kinh doanh là chủ hộ kinh doanh.

Hai là, quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh và các thành viên gia đình tham gia đăng ký hộ kinh doanh.

Ba là, quy định cụ thể việc hộ kinh doanh được phép kinh doanh tại nhiều địa điểm và lựa chọn một địa điểm kinh doanh để làm trụ sở hộ kinh doanh và phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh, Cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi tiến hành hoạt động kinh doanh đối với các địa điểm kinh doanh còn lại.

Bốn là, quy định cụ thể về hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh do mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh hoặc các thành viên gia đình ủy quyền cho người khác làm chủ hộ kinh doanh; đăng ký thay đổi trụ sở hộ kinh doanh sang quận, huyện khác nơi đã đăng ký.

Năm là, bổ sung quy định về trường hợp hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo để đảm bảo quyền tự chủ của hộ kinh doanh.

Sáu là, sửa đổi, bổ sung các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cụ thể, hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau: (a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo; (b) Ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký; (c) Kinh doanh ngành, nghề bị cấm; (d) Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập; (đ) Không gửi báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này; (e) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

2.2. Các nội dung được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác cần hướng dẫn chi tiết tại Nghị định này

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với các đối tượng sau đây:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

- Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

- Doanh nghiệp xã hội.

2.3. Các nội dung bị bãi bỏ do Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bãi bỏ

Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bãi bỏ hoàn toàn một số thủ tục hành chính áp dụng đối với doanh nghiệp không còn cần thiết và phù hợp với thực tiễn, mục tiêu quản lý nhà nước, cụ thể:

- Thủ tục thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu;
- Thủ tục thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp;
- Thủ tục thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ.

Trên cơ sở đó, Dự thảo Nghị định đã bãi bỏ quy định về các thủ tục hành chính nêu trên.

V. VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định và xin ý kiến các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan, đa số các ý kiến đều thống nhất về sự cần thiết ban hành cũng như những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, trong quá trình tổng hợp các ý kiến đóng góp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy còn có một số nội dung có ý kiến khác nhau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cụ thể như sau:

1. Về quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật

Để đảm bảo hướng dẫn quy định tại Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Trong quá trình nghiên cứu xây dựng Dự thảo Nghị định, có hai luồng ý kiến khác nhau về vấn đề này, cụ thể như sau:

Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không cần yêu cầu doanh

nghiệp báo cáo, giải trình. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về văn bản đề nghị của mình.

Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, việc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, giải trình trước khi thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là cần thiết để tránh việc thu hồi không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

Để hạn chế tối đa những trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với luồng ý kiến thứ hai. Theo đó, trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến giải trình. Trường hợp kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà doanh nghiệp không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh mới ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Về việc mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh

Liên quan đến việc thay đổi chủ hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh bán, tặng cho hoặc để lại thừa kế hộ kinh doanh, hiện nay có hai luồng ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng, hộ kinh doanh gắn với cá nhân kinh doanh. Nếu cho phép mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh thì về bản chất hộ kinh doanh không khác gì so với doanh nghiệp tư nhân. Việc đăng ký hộ kinh doanh cũng rất thuận lợi, dễ dàng. Do đó, không nên quy định cho phép mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh. Việc thay đổi chủ hộ kinh doanh chỉ xảy ra trong trường hợp các thành viên gia đình ủy quyền cho người khác là chủ hộ kinh doanh.

Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, việc không cho phép mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh sẽ hạn chế quyền của hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh cũng giống như doanh nghiệp tư nhân, có cùng chế độ chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản, do đó, cần quy định việc mua bán, tặng cho và thừa kế hộ kinh doanh tương tự như doanh nghiệp tư nhân.

Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của hộ kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất quan điểm với luồng ý kiến thứ hai.

3. Về việc ủy quyền nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì một trong các phương thức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp là thông qua dịch vụ bưu chính. Tại Dự thảo Nghị định hiện nay quy định về việc ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, trong đó có 3 trường hợp cụ thể như sau: (1) Cá nhân người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân khác; (2) Cá nhân người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức thực hiện dịch vụ đăng ký doanh nghiệp; (3) Cá nhân người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Có hai luồng ý kiến khác nhau về vấn đề này, cụ thể như sau:

Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng, việc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg và Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT. Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT quy định: “Phiếu gửi hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như hợp đồng giao kết bằng văn bản giữa các bên cung ứng và sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật về bưu chính”. Căn cứ các quy định trên, khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích, nhân viên bưu chính chỉ nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính ngoài bưu chính công ích thì áp dụng theo quy định về việc ủy quyền của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp cho tổ chức thực hiện thủ tục.

Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, Luật Doanh nghiệp quy định phương thức đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính, không giới hạn ở bưu chính công ích, do vậy, cần phải có quy định cụ thể đối với việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính ngoài bưu chính công ích và nhân viên bưu chính cũng chỉ cần nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ tương tự giống bưu chính công ích mà không cần phức tạp như đối với ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục.

Để hạn chế tối đa những rủi ro, tranh chấp phát sinh khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với luồng ý kiến thứ nhất.

VI. VỀ VIỆC TIẾP THU Ý KIẾN TẠI BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày 19/6/2020, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 129/BCTĐ-BTP về việc thẩm định Dự thảo Nghị định.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định, nội dung Dự thảo Nghị định và những giải trình, lập luận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về vấn đề còn ý kiến khác nhau, đồng thời đề nghị hoàn thiện một số nội dung của Dự thảo Nghị định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cơ bản đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và chỉnh sửa, bổ sung vào Dự thảo Trình, Dự thảo Nghị định. Về một số ý kiến khác của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Trên cơ sở ý kiến của tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm theo Dự thảo Nghị định và Phụ lục kèm theo; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành; Bản sao văn bản góp ý của các Bộ, ngành);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐKKD.C(02).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

(Ban hành kèm theo Công văn số 6956/BKHĐT-ĐKKD ngày 20/10/2020)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo V2.2
(Tháng 10/2020)

NGHỊ ĐỊNH

về đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về Cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Cá nhân, thành viên hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Nghị định này.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Cơ quan quản lý thuế.
5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này.

2. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

4. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

6. Tài khoản đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Doanh nghiệp là tài khoản được sử dụng để xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số.

7. Người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng

ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này.

8. Số hóa hồ sơ là việc quét (scan) dữ liệu có sẵn trên giấy nhằm chuyển dữ liệu dạng văn bản giấy sang dạng văn bản điện tử.

9. Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo.

2. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ công ty. Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh, chữ ký của mỗi người đại diện theo pháp luật có giá trị như nhau trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

5. Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Điều 5. Quyền thành lập doanh nghiệp và nghĩa vụ đăng ký doanh nghiệp

1. Thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ.

2. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm cấm Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan khác gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định về đăng ký doanh nghiệp áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Khoản này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp cho doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được ghi trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại cùng thời điểm có nội dung khác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh bằng bản giấy thì Giấy chứng nhận có nội dung được ghi đúng theo nội dung trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp có giá trị pháp lý.

Điều 7. Ghi ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và kiểm tra

việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh

1. Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp.

2. Mã số doanh nghiệp tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực.

3. Mã số doanh nghiệp được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số doanh nghiệp để quản lý và trao đổi thông tin về doanh nghiệp.

5. Mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.

6. Mã số địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

7. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

8. Đối với các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, mã số doanh nghiệp là mã số thuế do Cơ quan thuế đã cấp cho doanh nghiệp.

Điều 9. Số lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được làm bằng tiếng Việt

2. Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

3. Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được làm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

4. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp chịu trách nhiệm trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung bản dịch và bản tiếng nước ngoài.

Điều 11. Giấy tờ pháp lý của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.

2. Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

Điều 12. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được giới thiệu.

2. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng

dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Điều 13. Cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký doanh nghiệp không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;
- b) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gặp sự cố kỹ thuật;
- c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp bất khả kháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trước cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để thực hiện việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng.

2. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải cập nhật dữ liệu, thông tin mới đã cấp cho doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 14. Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), bao gồm:

- a) Ở cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh).

Phòng Đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Phòng Đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh.

Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thể thành lập thêm một hoặc hai Phòng Đăng ký kinh doanh và được đánh số theo thứ tự. Việc thành lập thêm Phòng Đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 16 Nghị định này (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục thuế địa phương và theo yêu cầu của Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

6. Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

7. Kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh.

8. Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định này.

9. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định pháp luật.

10. Đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký hộ kinh doanh.

2. Hướng dẫn hộ kinh doanh và người thành lập hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế cấp huyện về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh lưu giữ tại hệ thống thông tin về hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục thuế địa phương, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

6. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này khi cần thiết;

7. Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

8. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử;

b) Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và tổ chức, cá nhân có yêu cầu; Hướng dẫn Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Đôn đốc, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp;

d) Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ Phòng Đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hướng dẫn việc xây dựng kinh phí phục vụ vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa phương;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế;

g) Căn cứ tình hình thực tế, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc nghiên cứu phương án thực hiện liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh;

h) Phát hành ấn phẩm thông tin để thực hiện đăng thông tin về đăng ký doanh nghiệp;

i) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp.

2. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế nhằm cung cấp mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh và trao đổi thông tin về doanh nghiệp;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, phí cung cấp thông tin và công bố nội dung về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

3. Bộ Công an hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện pháp luật về điều kiện kinh doanh; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm việc chấp hành các điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; rà soát và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước và gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

Chương III

ĐĂNG KÝ TÊN DOANH NGHIỆP, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 18. Đăng ký tên doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Trước khi đăng ký tên doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể tham khảo tên các doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để tránh đăng ký tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

3. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá

trị pháp lý tương đương được tiếp tục sử dụng tên doanh nghiệp đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

Điều 19. Xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

1. Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp. Trước khi đăng ký đặt tên doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã đăng ký và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp.

2. Căn cứ để xác định tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp.

3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên doanh nghiệp cho phù hợp. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh các tài liệu cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp xâm phạm đổi tên doanh nghiệp khi nhận được thông báo của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp về việc quyền sở hữu công nghiệp bị xâm phạm. Kèm theo thông báo của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp phải có bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên doanh nghiệp là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

b) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà

nước về sở hữu công nghiệp cấp; hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm thay đổi tên doanh nghiệp và tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra Thông báo. Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp theo yêu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo đó áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp nhưng tổ chức, cá nhân vi phạm không thực hiện trong thời hạn do pháp luật quy định thì cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh để yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Đăng ký tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Doanh nghiệp.

2. Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

3. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không được sử dụng cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp” hoặc từ, cụm từ có nghĩa tương đương khi dịch từ tiếng nước ngoài.

4. Đối với những doanh nghiệp nhà nước khi chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc do yêu cầu tổ chức lại thì được phép giữ nguyên tên doanh nghiệp nhà nước trước khi tổ chức lại.

Chương IV**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP,
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH****Điều 21. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân**

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

Điều 22. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách thành viên.
4. Bản sao các giấy tờ sau đây:
 - a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân;
 - b) Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 23. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm
hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần**

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.
4. Bản sao các giấy tờ sau đây:
 - a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;

c) Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

Đối với thành viên, cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

d) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 24. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều lệ công ty.

3. Bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân;

c) Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

d) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 25. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất công ty

1. Trường hợp chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty mới phải kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty theo

quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp; bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty.

2. Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty được tách phải kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp; bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty.

3. Trường hợp hợp nhất một số công ty thành một công ty mới, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp nhất phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất.

Điều 26. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

1. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định này, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;

b) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;

c) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;

d) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân;

đ) Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân;

e) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

g) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định này trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;

b) Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

d) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác và giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

3. Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 24 Nghị định này, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;

b) Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

d) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

4. Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty;

b) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

c) Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp;

d) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

đ) Thỏa thuận góp vốn đầu tư trong trường hợp tiếp nhận vốn góp của thành viên, cổ đông mới;

e) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

5. Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Điều 27. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh bao gồm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế và các giấy tờ quy định tại các Điều 21, 22, 23 và

24 Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở để thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

Điều 28. Cấp đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

1. Doanh nghiệp đang hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

b) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo thay đổi quy định tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký giải thể, doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp này bao gồm các giấy tờ tương ứng theo quy định tại Điều 68 Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng theo quy định tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong trường hợp có nhu cầu hoặc có thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ghi nhận tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

a) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

b) Trường hợp doanh nghiệp có thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 62 Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương có thông tin về địa điểm kinh doanh thì khi thực hiện cấp đổi sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh nếu có nhu cầu.

4. Khi nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp xã hội

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp. Kèm theo hồ sơ phải có Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do những người sau đây ký:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân;

b) Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh;

c) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn: các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức;

d) Đối với công ty cổ phần: cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

Phòng Đăng ký kinh doanh đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua nội dung Cam kết.

Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Trường hợp nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường có sự thay đổi, doanh nghiệp xã hội phải gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua nội dung thay đổi.

Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

4. Trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường, doanh nghiệp xã hội phải gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấm dứt. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt;

b) Bản sao thỏa thuận với cá nhân, tổ chức liên quan về xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận (nếu còn).

Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập đối với doanh nghiệp xã hội thực hiện theo quy định tương ứng của Nghị định này.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp xã hội được thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định này. Trường hợp doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận, thì hồ sơ giải thể phải có Thỏa thuận với cá nhân, tổ chức liên quan về xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.

7. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp xã hội dự định đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại các Điều 21, 22, 23 và 24 Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

b) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện để chấm dứt hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Doanh nghiệp xã hội sau khi được đăng ký đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã

hội, quỹ từ thiện. Cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện chấm dứt hoạt động kể từ ngày doanh nghiệp xã hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 30. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này. Trong đó, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng bản sao quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chỉ định người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trực tiếp thực hiện hoặc chỉ định tổ chức tín dụng khác thực hiện việc tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định này, trong đó, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và bản sao hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay thế bằng bản sao quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 31. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Chứng khoán thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở của công ty, chi nhánh. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao giấy phép thành lập và hoạt động và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

4. Trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài đặt trụ sở, chi nhánh. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động chi nhánh theo quy định tại khoản 6 Điều 74, khoản 5 Điều 76 Nghị định này.

Điều 32. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh

Doanh nghiệp có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật thông tin về địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp.

4. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ

ngày chính thức lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 33. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;

b) Tên doanh nghiệp đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

c) Có địa chỉ liên lạc, điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

d) Đã nộp đủ phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đã nộp hồ sơ hoặc qua mạng thông tin điện tử. Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 34. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với mỗi một bộ hồ sơ do doanh nghiệp nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc không được thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 35. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Doanh nghiệp.

2. Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày doanh nghiệp đăng ký.

3. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định.

Điều 36. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
2. Các nội dung công bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp.
3. Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 37. Cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn) bao gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.
2. Việc đề nghị cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Doanh nghiệp được thực hiện thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc tại Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin về doanh nghiệp có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh.

3. Định kỳ hàng tháng, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp đã đăng ký trong tháng trước đó đến cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Điều 38. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

1. Người nộp hồ sơ nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Phương thức thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử được hỗ trợ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phí sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không được tính trong phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung

cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

3. Khi phát sinh lỗi giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử liên hệ với tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để được giải quyết.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và việc sử dụng phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp đảm bảo bù đắp một phần chi phí cho hoạt động của Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 39. Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến doanh nghiệp và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

4. Việc hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin

về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 40. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo văn bản đề nghị hiệu đính phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 41: Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp

Các tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bao gồm:

1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Doanh nghiệp. Ngày chuyển tình trạng pháp lý “Tạm ngừng kinh doanh” là ngày doanh nghiệp đăng ký bắt đầu tạm ngừng kinh doanh. Ngày kết thúc tình trạng pháp lý “Tạm ngừng kinh doanh” là ngày kết thúc thời hạn tạm

ngừng kinh doanh mà doanh nghiệp đã thông báo hoặc ngày doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

2. “Đang làm thủ tục giải thể, phá sản” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã gửi nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo khoản 3 Điều 208 Luật Doanh nghiệp; doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; doanh nghiệp bị giải thể theo quyết định giải thể của Tòa án theo khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp; doanh nghiệp có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Thời gian xác định chuyển tình trạng pháp lý “Đang làm thủ tục giải thể, phá sản” là thời điểm Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản giải thể doanh nghiệp, quyết định mở thủ tục phá sản, thời điểm Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. “Đã giải thể, phá sản” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục giải thể theo quy định và được Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý theo khoản 8 Điều 208, khoản 5 Điều 209 Luật Doanh nghiệp; các doanh nghiệp bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo khoản 5 Điều 198, khoản 5 Điều 200, khoản 4 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; doanh nghiệp có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản. Thời gian xác định chuyển tình trạng pháp lý “Giải thể, phá sản” là thời điểm Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. “Không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp do cơ quan thuế cung cấp qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà qua công tác kiểm tra không tìm thấy doanh nghiệp tại địa chỉ đã đăng ký.

5. “Thông báo vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số thuế, đang thực hiện việc kê khai thuế và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp đang hoạt động không bao gồm doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, phá sản; doanh nghiệp đã giải thể, phá sản; doanh nghiệp không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký và doanh nghiệp đã

bị ra thông báo vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chương V

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Điều 42. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử hoặc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

2. Tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cấp cho cá nhân để thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử. Cá nhân truy cập vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để kê khai thông tin và tạo Tài khoản đăng ký kinh doanh. Các thông tin cá nhân được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trên giấy tờ pháp lý của cá nhân và phải tuân thủ định dạng, quy chuẩn của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Một Tài khoản đăng ký kinh doanh chỉ được cấp cho một cá nhân. Cá nhân được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký để được cấp và việc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh.

5. Phòng Đăng ký kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Điều 43. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử

1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định của Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử có thể định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”.

3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử hợp lệ khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện

tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. *Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều này;*

b) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ bằng bản giấy; có thông tin về số điện thoại, email của người nộp hồ sơ;

c) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 44. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 45. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 46. Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh

Việc xác định và xử lý các tranh chấp, khiếu nại và hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý, sử dụng chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 47. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định.

4. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Điều 48. Đăng ký đổi tên doanh nghiệp

1. Trường hợp đổi tên doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc đổi tên doanh nghiệp.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu tên doanh nghiệp đăng ký thay đổi không trái với quy định về đặt tên doanh nghiệp.

3. Việc thay đổi tên doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Điều 49. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh

1. Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh, tiếp nhận thành viên hợp danh mới theo quy định tại Điều 185 và Điều 186 Luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 50. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch công ty, hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký. Trường hợp Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị mới là người ký thông báo;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới;

c) Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty hoặc của Hội đồng quản trị trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên được thay thế bằng bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 51. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp

1. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh đăng ký thay đổi vốn điều lệ, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, các danh sách không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần, kèm theo Thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;

b) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần.

4. Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.

5. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 52. Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty, công ty nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng

Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới và tăng vốn điều lệ công ty;

d) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty;

đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

e) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

3. Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

4. Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn.

5. Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp

a) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh

nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp;

b) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp.

6. Đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ

a) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên công ty theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ chứng thực việc hoàn tất việc thanh toán nợ;

b) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán sử dụng phần vốn góp đó để chào bán và chuyển nhượng cho người khác theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ chứng thực việc hoàn tất việc thanh toán nợ.

7. Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng nghị quyết, quyết định chia công ty hoặc tách công ty, các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định này hoặc các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 61 Nghị định này. Nghị quyết, quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập công ty phải thể hiện nội dung chuyển giao toàn bộ phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty mới.

8. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 53. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức thì người nhận chuyển nhượng phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.

Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

d) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, hồ sơ đăng ký thay đổi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế thì người thừa kế nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;

b) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.

Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

d) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế.

4. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp.

5. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp được thay bằng nghị quyết, quyết định chia công ty hoặc tách công ty, các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định này hoặc các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 61 Nghị định này. Nghị quyết, quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập công ty phải thể hiện nội dung chuyển giao toàn bộ phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty mới.

6. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 54. Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết

1. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân bán, tặng cho doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân chết thì người mua, người được tặng cho, người thừa kế phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người bán, người tặng cho và người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư

nhân đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; chữ ký của người thừa kế đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế;

c) Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán, tặng cho trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp trong trường hợp thừa kế.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 55. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân

Trường hợp tăng, giảm vốn đầu tư đã đăng ký, chủ doanh nghiệp tư nhân phải gửi Thông báo về việc thay đổi vốn đầu tư đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 56. Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 57. Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết.

1. Cổ đông sáng lập quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong Danh sách cổ đông sáng lập nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2. Việc thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập với Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ thực hiện trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua.

3. Trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 2 Điều này, công ty gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần, trong đó không bao gồm thông tin về cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của cổ đông sáng lập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 58. Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

1. Trường hợp công ty cổ phần chưa niêm yết thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

b) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khi đã thay đổi. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi. Đối với cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi, danh sách này không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó;

c) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 59. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế

1. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, thì doanh nghiệp gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Sau khi tiếp nhận thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 60. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng cho thuê doanh nghiệp có hiệu lực, chủ doanh nghiệp tư nhân phải gửi thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại Điều 191 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi về thông tin người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định khoản 1 và khoản 2 Điều này, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 61. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách, công ty nhận sáp nhập

1. Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài giảm xuống, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty theo quy định tại Điều

199 Luật Doanh nghiệp, bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty.

2. Trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty vào một công ty khác, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương này và các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng sáp nhập công ty và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;

c) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng sáp nhập, bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập (trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập).

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 62. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Trường hợp chuyển địa chỉ nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến.

Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

4. Sau khi công ty nhà nước được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi thành công ty cổ phần và ngược lại, doanh nghiệp tư nhân được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của những doanh nghiệp nêu trên thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều này.

Điều 63. Cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Khi đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung thông tin còn thiếu về số điện thoại của doanh nghiệp trong hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp không bổ sung thông tin về số điện thoại thì hồ sơ đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được coi là không hợp lệ.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện việc cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp, như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thuộc các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định từ Điều 47 đến Điều 55 Nghị định này, doanh nghiệp gửi thông báo đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, xem xét tính hợp lệ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp;

b) Trường hợp doanh nghiệp chỉ cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định này thì doanh nghiệp gửi thông báo đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung thông tin vào hồ sơ của doanh nghiệp, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp không phải trả phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính và các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 64. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty cổ phần thông qua các nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, bản sao biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Nghị định này được thay thế bằng bản sao báo cáo kết quả kiểm phiếu của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc biên bản kiểm phiếu của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần.

Điều 65. Các trường hợp không được thực hiện đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Doanh nghiệp được tiếp tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Phòng Đăng ký kinh doanh chấp nhận;

b) Phải đăng ký thay đổi một số nội dung đăng ký doanh nghiệp để phục vụ quá trình giải thể và hoàn tất bộ hồ sơ giải thể theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của doanh nghiệp về lý do đăng ký thay đổi;

c) Có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này về việc cho phép tiếp tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Chương VII

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TẠM NGỪNG KINH DOANH, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 66. Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh không được quá một năm. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải thông báo tiếp cho Phòng Đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc tạm ngừng kinh doanh.

3. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4. Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang hoạt động của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

5. Doanh nghiệp có thể đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp đồng thời với một hoặc nhiều hơn hoặc tất cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng của doanh nghiệp đồng thời với tình trạng của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của doanh nghiệp.

Điều 67. Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ

hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 68. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

3. Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp doanh nghiệp không hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ

sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực.

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp doanh nghiệp không hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

5. Việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cấp trên cơ sở hồ sơ, trình tự, thủ tục không đúng theo quy định, thông tin kê khai trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác thực hiện tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

5. Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của các lần trước đó không còn hiệu lực.

Điều 69. Đăng ký giải thể doanh nghiệp đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp

Việc đăng ký giải thể doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể quy định tại khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc giải thể doanh nghiệp;

b) Phương án giải quyết nợ (nếu có).

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp.

4. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

6. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được thông báo kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc ý kiến phản đối bằng văn bản của bên có liên quan, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

7. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và

Phòng Đăng ký kinh doanh chưa chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện giải thể, doanh nghiệp gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng tải thông báo và nghị quyết, quyết định về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông tin hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế.

8. Đối với doanh nghiệp sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

Điều 70. Đăng ký giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh đăng tải quyết định này đồng thời thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 69 Nghị định này.

3. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể

của doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

Điều 71. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về

đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 72. Chấm dứt tồn tại của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày các công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc chấm dứt tồn tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập trước khi chấm dứt tồn tại của các công ty này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, công ty nhận sáp nhập gửi thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 61 Nghị định này.

4. Trường hợp công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập gửi thông tin cho Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 73. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có trách

nhiệm cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh một trong các văn bản cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản khẳng định văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; hoặc

b) Bản sao văn bản kết luận của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Căn cứ kết luận của các cơ quan nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định này nếu nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

Điều 74. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó. Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký,

thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp doanh nghiệp đã đăng ký có cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân là chủ sở hữu: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo về hành vi vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, công ty cổ phần và công ty hợp danh: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp thay đổi thành viên hoặc cổ đông thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông, thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm điểm c khoản 1 Điều 212 Luật doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký doanh nghiệp trên cơ sở quyết định của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được quyết định của Tòa án.

6. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

8. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

9. Thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi sang Cơ quan thuế trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

10. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo, quyết định nêu trên đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng tải thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

11. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) bị thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hết hiệu lực kể từ khi Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi.

Phòng Đăng ký kinh doanh gửi quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) cho doanh nghiệp và cơ quan đăng ký đầu tư. Doanh nghiệp thực hiện

thủ tục xử lý dự án đầu tư, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Điều 75. Khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Phòng Đăng ký kinh doanh xác định doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và doanh nghiệp chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về việc quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi quyết định nêu trên đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, đồng thời gửi thông tin về việc hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp cho cơ quan thuế, đăng tải quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 76. Thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo về việc vi phạm của chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo, quyết định nêu trên đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng tải thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

7. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định này.

Chương VIII

HỘ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 77. Hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thì phải ủy quyền cho một thành viên làm đại diện đăng ký hộ kinh doanh. Cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đăng ký hộ kinh doanh là chủ hộ kinh doanh.

2. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyên, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

Điều 78. Quyền thành lập hộ kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh

1. Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền đăng ký hộ kinh doanh và có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Chương này, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cá nhân, thành viên hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc và được quyền góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

3. Cá nhân, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.

Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình tham gia đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh; thực hiện các nghĩa vụ về thuế, các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ hộ kinh doanh đại diện cho hộ kinh doanh với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ hộ kinh doanh có thể thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình tham gia đăng ký hộ kinh doanh vẫn chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

4. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình tham gia đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm đối với các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định sau đây:

a) Chủ hộ kinh doanh chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập;

b) Chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản riêng và tài sản chung của họ đối với các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập.

5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp cho hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định này. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;

b) Tên của hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 85 Nghị định này;

c) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;

d) Nộp đủ lệ phí đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh tự khai và tự chịu trách nhiệm.

3. Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có giá trị pháp lý kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và hộ kinh doanh có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký.

4. Hộ kinh doanh có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc đăng ký và trả phí để nhận qua đường bưu điện.

5. Hộ kinh doanh có quyền yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và nộp phí theo quy định.

Điều 81. Mã số đăng ký hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi mã số đăng ký hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo cấu trúc sau:

a) Mã cấp tỉnh: 02 ký tự bằng số;

b) Mã cấp huyện: 01 ký tự bằng chữ cái tiếng Việt;

c) Mã loại hình: 01 ký tự, 8 = hộ kinh doanh;

d) Số thứ tự hộ kinh doanh: 06 ký tự bằng số, từ 000001 đến 999999.

2. Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

3. Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đơn vị bị tách giữ nguyên mã chữ cũ và đơn vị được tách được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới hoặc được tách.

Điều 82. Nguyên tắc áp dụng trong đăng ký hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh, người thành lập hộ kinh doanh tự kê khai hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân trong hộ kinh doanh với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác.

Điều 83. Số lượng hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

1. Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không được yêu cầu người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 84. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh là nơi hộ kinh doanh thực hiện hoạt động kinh doanh.

2. Một hộ kinh doanh có thể hoạt động kinh doanh tại nhiều địa điểm nhưng phải chọn một địa điểm để đăng ký trụ sở hộ kinh doanh và phải thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi tiến hành hoạt động kinh doanh đối với các địa điểm kinh doanh còn lại.

Điều 85. Đăng ký hộ kinh doanh

1. Đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

c) Bản sao biên bản họp thành viên gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh và ủy quyền cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp thành viên gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

3. Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

4. Nếu sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh mà không nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh thì người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Định kỳ vào tuần làm việc đầu tiên hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách hộ kinh doanh đã đăng ký tháng trước cho Cơ quan thuế cùng cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

6. Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 86. Đặt tên hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh có tên gọi riêng. Tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Cụm từ “Hộ kinh doanh”;
- b) Tên riêng của hộ kinh doanh.

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu.

2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hộ kinh doanh.

3. Hộ kinh doanh không được sử dụng các cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp” để đặt tên hộ kinh doanh hoặc các từ, cụm từ có nghĩa tương đương khi dịch từ tiếng nước ngoài.

4. Tên riêng hộ kinh doanh không được trùng với tên riêng của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi huyện.

Điều 87. Ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi nhận thông tin về ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Hộ kinh doanh được quyền kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Khi thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;

b) Bản sao biên bản họp thành viên gia đình về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh do thành viên gia đình thành lập.

3. Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh cũ và chủ hộ kinh doanh mới ký hoặc do chủ hộ kinh doanh mới ký trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;

b) Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng, tặng cho đối với trường hợp bán, tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;

c) Bản sao biên bản họp thành viên gia đình về việc thay đổi chủ hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh do thành viên gia đình thành lập.

4. Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa chỉ trụ sở sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt địa chỉ mới. Hồ sơ phải có bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;

b) Bản sao biên bản họp thành viên gia đình về việc đăng ký thay đổi địa chỉ đối với trường hợp hộ kinh doanh thành viên gia đình thành lập;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

5. Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ cho hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.

6. Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cũ.

Điều 89. Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

2. Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, hộ kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đã đăng ký ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Sau khi tiếp nhận thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận hồ sơ cho hộ kinh doanh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho hộ kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo cho hộ kinh doanh.

Điều 90. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký. Kèm theo thông báo phải có thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của cơ quan thuế và bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

Điều 91. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau:

- a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo;
- b) Ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký và Cơ quan thuế;
- c) Kinh doanh ngành, nghề bị cấm;

d) Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập;

đ) Hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản;

e) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký hoặc không gửi báo cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến báo cáo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Trường hợp hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề bị cấm thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về hành vi vi phạm và ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

5. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Nếu hộ kinh doanh do thành viên gia đình thành lập và một trong số thành viên đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về hành vi vi phạm và ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

6. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở quyết định của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

7. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

8. Sau khi có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 90 Nghị định này.

Điều 92. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh có thể gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo yêu cầu hộ kinh doanh hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới thì Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần trước đó không còn hiệu lực.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 93. Xử lý vi phạm, khen thưởng

1. Cán bộ, công chức yêu cầu người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh nộp thêm các giấy tờ, đặt thêm các thủ tục, điều kiện đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh trái với Nghị định này; có hành vi gây khó khăn, phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi giải quyết việc đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, trong kiểm tra các nội dung đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cán bộ làm công tác đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được khen thưởng theo quy định.

Điều 94. Điều khoản chuyển tiếp

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết việc chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại các Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo kế hoạch hàng năm của Phòng Đăng ký kinh doanh.

2. Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lưu giữ tại tất cả các Phòng Đăng ký kinh doanh và thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đều phải được chuyển đổi vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các thông tin đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký tại cơ quan đăng ký đầu tư là thông tin gốc về doanh nghiệp khi quá trình chuyển đổi dữ liệu được thực hiện.

4. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư

(đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

5. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, doanh nghiệp nộp giấy đề nghị kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế tại Phòng Đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nộp giấy đề nghị kèm theo bản sao Giấy phép đầu tư hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 95. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 96. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG*****Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b).

Nguyễn Xuân Phúc

(Ban hành kèm theo Công văn số 6956/BKHĐT-ĐKKD ngày 20/10/2020)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**
(thay thế Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2018/NĐ-CP)

I. TỔNG HỢP CÁC THAY ĐỔI VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SO VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2015/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2018/NĐ-CP

- Tổng số thủ tục hành chính (TTHC) được đánh giá tác động quy định trong Dự thảo Nghị định có thay đổi so với Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP là 12 TTHC, cụ thể:

1. Đăng ký doanh nghiệp (qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh – Điều 45);
2. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (Điều 47);
3. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (Điều 32);
4. Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp;
5. Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh);
6. Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ;
7. Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần;
8. Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần;
9. Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh;
10. Đăng ký thành lập công ty chứng khoán;
11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (Bổ sung hồ sơ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);

12. Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (Hộ kinh doanh)

- Trong đó:

+ Số TTHC sửa đổi bổ sung: **06 TTHC**

+ Số TTHC ban hành mới: **03 TTHC**

+ Số TTHC bãi bỏ: **03 TTHC**

1. Danh sách TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung so với các quy định hiện hành	Tính đơn giản và những ưu điểm của TTHC được sửa đổi
1	Đăng ký doanh nghiệp (qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh)	- Sửa đổi, bổ sung (bỏ Khoản 5,6,7 Điều 38 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP): + Bỏ yêu cầu nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy để đối chiếu	+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: - Khuyến khích hình thức đăng ký doanh nghiệp qua mạng được sử dụng nhiều hơn do thủ tục linh hoạt, nhanh chóng, đáp ứng tình hình thực tiễn của doanh nghiệp cao hơn. + Đối với doanh nghiệp: - Các đối tượng thực hiện quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử cho doanh nghiệp được áp dụng linh hoạt, nhanh gọn, phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tiễn của doanh nghiệp
2	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	- Sửa đổi, bổ sung (Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP): + Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ như	+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Giảm thời gian xử lý hồ sơ. + Đối với doanh nghiệp: Giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ, tiết kiệm chi phí.

		(Bản sao Điều lệ, Danh sách thành viên) đối với trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký	
3	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	- Sửa đổi, bổ sung (Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP): + Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh văn phòng đại diện	+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Giảm thời gian xử lý hồ sơ. + Đối với doanh nghiệp: Giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ, tiết kiệm chi phí.
4	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp	- Bãi bỏ khoản 1 Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Thủ tục báo cáo này không còn cần thiết do không rõ mục tiêu quản lý nhà nước. Trên thực tế, các công ty sẽ công bố công khai các thông tin này ngay cả khi luật không yêu cầu. Ngoài ra, thông tin này không có ý nghĩa về quản lý nhà nước bởi vì đây là các thông tin về nội bộ doanh nghiệp. Việc bãi bỏ thủ tục này sẽ cắt giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp
5	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty	- Bãi bỏ các quy định tại Điều 34 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Bãi bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu và thay đổi phương thức quản lý dấu, trao quyền cho doanh nghiệp sẽ có nhiều tác động tích cực; ngoài việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp; còn góp phần giảm thiểu tranh chấp nội bộ của doanh nghiệp. Cụ thể, hiện nay nhiều tranh chấp nội bộ trong doanh nghiệp kéo dài và nhiều

	TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		<p>trường hợp không thể giải quyết dứt điểm do con dấu bị chiếm giữ bởi một bên; dẫn tới, doanh nghiệp không thể làm dấu mới, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính điều này không chỉ ảnh hưởng đến cách bên tranh chấp, mà còn gây ảnh hưởng đến ngừng trệ hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Ngoài ra, việc ‘lạm dụng’ dấu trong nhiều trường hợp làm cho giao dịch kém tính khả thi của các giao dịch, do các bên bỏ qua việc nghiên cứu, tìm hiểu năng lực đối tác khi ký hợp đồng, mà chỉ dựa vào việc đóng dấu; lợi dụng dấu để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản đối tác.</p> <p>Cải cách triệt để về dấu, trao toàn quyền cho doanh nghiệp quyết định về dấu sẽ giúp giảm thiểu các hậu quả phát sinh từ cách thức quản lý dấu hiện nay.</p>
6	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ	- Bãi bỏ khoản 3 Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	<p>Luật doanh nghiệp 2014 quy định các công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh và công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong khi đó, Luật không quy định về điều kiện, lý do từ chối việc chào bán cổ phần riêng lẻ nên các Cơ quan đăng ký kinh doanh thường không phản hồi đối với trường hợp này. Hiện tại, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định này.</p>
7	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm	- Sửa đổi, bổ sung (Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP)	<p>Thực tế cho thấy, người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp là một vị trí chức danh quan trọng trong công ty. Luật doanh nghiệp đã bổ sung quy định về yêu cầu cung cấp: “d) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng</p>

	<p>hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần</p>	<p>+Sửa đổi, bổ sung về thành phần hồ sơ đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Bổ sung giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp)</p>	<p>minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật.” (điểm d khoản 4 Điều 22)</p> <p>Do đó, cần thiết phải bổ sung bản sao các giấy tờ pháp lý đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong Nghị định để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thủ tục bổ sung một số thành phần hồ sơ làm chi phí ko cắt giảm được so với quy định cũ. Tuy nhiên, việc quy định bổ sung giấy tờ giúp tăng tính giám sát của các bên thứ 3, của cơ quan quản lý và xã hội đối với doanh nghiệp khi thành lập cũng như trong quá trình hoạt động, giúp hạn chế việc lợi dụng sự thông thoáng của quy định pháp luật để dễ dàng vi phạm pháp luật, gây hậu quả đối với các bên có liên quan.</p>
8	<p>Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần</p>	<p>- Sửa đổi bổ sung (Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP):</p> <p>+ Sửa đổi theo hướng cho phép doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh mà không qua từng bước trung gian</p> <p>+ Bổ một số thành phần hồ sơ: “Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh</p>	<p>+ Theo quy định tại Điều 25 thì doanh nghiệp tư nhân chỉ có thể chuyển đổi thành công ty TNHH; không thể chuyển đổi trực tiếp thành công ty cổ phần. Do đó, doanh nghiệp tư nhân muốn chuyển đổi thành công ty cổ phần thì phải thực hiện một thủ tục hành chính ‘trung gian’ – tức là chuyển đổi thành công ty TNHH và sau đó chuyển đổi từ công ty TNHH mới đó thành công ty cổ phần. Thủ tục hành chính trung gian: chuyển doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH trong trường hợp này hoàn toàn không có ý nghĩa, nhưng tốn kém thời gian, chi phí và thậm chí ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Do đó, Điều 25 được sửa đổi nhằm cho phép chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần, công ty hợp danh nhằm tạo thuận lợi cho việc cơ cấu, tổ chức lại hoạt động của doanh nghiệp; giảm bớt các thủ</p>

		lý; Danh sách thành viên;...”	tục, chi phí trung gian không cần thiết trong việc cơ cấu lại doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp.
9	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh	- Bổ sung (Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP): + Bổ sung thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh	
10	Đăng ký thành lập công ty chứng khoán	- Bổ sung (Điều 31 Dự thảo Nghị định): + Bổ sung các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán	Hướng dẫn Điều 71, Điều 114 Luật Chứng khoán
11	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (Bổ sung hồ sơ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);	- Sửa đổi, bổ sung (Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP): + Bổ sung: “Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.”	Việc bổ sung bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện làm tăng tính giám sát của các bên thứ 3, của cơ quan quản lý và xã hội đối với doanh nghiệp khi thành lập cũng như trong quá trình hoạt động, giúp hạn chế việc lợi dụng sự thông thoáng của quy định pháp luật để dễ dàng vi phạm pháp luật, gây hậu quả đối với các bên có liên quan.

12	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (Hộ kinh doanh)	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung (Điều 88 Dự thảo): + Bổ sung thủ tục Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với hộ kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi, tính linh hoạt đối với hộ kinh doanh, cho phép các hộ kinh doanh quay trở lại hoạt động trước thời hạn đã đăng ký
----	---	---	--

II. TỔNG HỢP CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC ĐỐI VỚI CÁC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Đơn vị: đồng

STT	Tên TTHC	Hiện tại	Chi phí sau khi đơn giản hóa (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung/ bãi bỏ hoặc hủy bỏ)	Chi phí cắt giảm được	Tỷ lệ phần trăm cắt giảm (%)
1	Đăng ký doanh nghiệp (qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh)	67,079,472,000	65,419,472,000	1,660,000,000	2.47
2	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	9,490,530,889	8,051,698,912	1,438,831,976	15.16
3	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	66,001,733,750	54,741,113,750	11,260,620,000	17.06
4	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần	99,864,776,300	103,806,056,300	-3,941,280,000	-3.95
5	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	4,447,302,144	2,915,857,824	1,531,444,320	34.44
6	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (Bổ sung hồ sơ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);	22,238,651,000	23,658,806,000	-1,420,155,000	-6.39
	Tổng	269,122,466,083	258,593,004,786	10,529,461,296	3.91

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2015/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2018/NĐ-CP VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

I CHI PHÍ CẮT GIẢM CHO CÁC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH					
STT	Tên TTHC	Chi phí hiện tại	Chi phí phương án mới	Chi phí cắt giảm	Phần trăm cắt giảm
1	Đăng ký doanh nghiệp (qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh)	67,079,472,000	65,419,472,000	1,660,000,000	2.47
2	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	9,490,530,889	8,051,698,912	1,438,831,976	15.16
3	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	66,001,733,750	54,741,113,750	11,260,620,000	17.06
4	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần	99,864,776,300	103,806,056,300	-3,941,280,000	-3.95
5	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần	4,447,302,144	2,915,857,824	1,531,444,320	34.44
6	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (Bổ sung hồ sơ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);	22,238,651,000	23,658,806,000	-1,420,155,000	-6.39
	Tổng	269,122,466,083	258,593,004,786	10,529,461,296	3.91
	TỔNG CHI PHÍ CẮT GIẢM CHO MỘT NĂM			10,529,461,296	
II CHI PHÍ CẮT GIẢM CHO CÁC TTHC ĐÃ BÃI BỎ TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH					
1	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp	3,947,335,317	0	3,947,335,317	100.00
2	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	32,535,935,750	0	32,535,935,750	100.00
3	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ	985,931,000	0	985,931,000	100.00
	Tổng	37,469,202,067	0	37,469,202,067	100.00
	TỔNG CHI PHÍ CẮT GIẢM CHO MỘT NĂM			37,469,202,067	

III CHI PHÍ ĐỐI VỚI CÁC TTHC BAN HÀNH MỚI TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH				
1	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh	0	2,105,093,184	-2,105,093,184
2	Đăng ký thành lập công ty chứng khoán	0	16,571,837	-16,571,837
3	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (Hộ kinh doanh)	0	5,328,662,500	-5,328,662,500
	Tổng	0	7,450,327,521	-7,450,327,521
	TỔNG CHI PHÍ CẮT GIẢM CHO MỘT NĂM			-7,450,327,521

(Ban hành kèm theo Công văn số 6956/BKHĐT-ĐKKD ngày 20/10/2020)



BẢNG 1: TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Tổng số Bộ, ngành lấy ý kiến: 10

Tổng số Bộ, ngành có ý kiến: 02 (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bảo hiểm xã hội)

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
UBCKNN: Về cơ sở pháp lý: Điều 71, Điều 81, Điều 100, Điều 114 Luật Chứng khoán năm 2019 giao Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán không hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp đối với các đối tượng nêu trên. Vì vậy, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho rằng việc quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp đối với các đối tượng nêu trên là cần thiết và có căn cứ pháp lý. Về đối tượng điều chỉnh: Khi Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Nghị định này có hiệu lực thi hành vào 01/01/2021, có 82 công ty chứng khoán và 45 công ty quản lý quỹ (chưa có công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được thành lập đến thời điểm hiện nay) hiện đã được thành lập chịu sự điều chỉnh quy phạm về đăng ký doanh nghiệp bởi các văn bản trên. Trong đó, có một số công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thành lập trước năm 2007 (thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành) đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005.				
Điều 31	UBCKNN: Tên Điều: Điều 31. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán		Đề nghị bổ sung đối tượng “công ty đầu tư chứng khoán” vào tên Điều 31 dự thảo.	Tiếp thu (Điều 71 và Điều 114 Luật Chứng khoán)
Điều 31	UBCKNN:	Theo quy định tại khoản 2 Điều 114	Đề nghị bổ sung đối tượng “công	Tiếp thu (Điều 71 và

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Khoản 1: “1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này...”	và khoản 3 Điều 100 Luật Chứng khoán năm 2019, công ty đầu tư chứng khoán cũng phải đăng ký doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Công ty đầu tư chứng khoán là một loại hình quỹ đầu tư chứng khoán dạng pháp nhân.	ty đầu tư chứng khoán” vào khoản 1 Điều 31 như sau: “1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, <u>công ty đầu tư chứng khoán</u> , chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”	Điều 114 Luật Chứng khoán)
Điều 31	UBCKNN: Khoản 2: “2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao Giấy phép		Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán <u>nước ngoài</u> và <u>chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản</u>	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bản sao bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”		<i>sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bản sao bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</i>	
Điều 31	UBCKNN: Khoản 3: “Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Chứng khoán thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở của công ty, chi nhánh. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký	<p>- Đối với mẫu văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh quy định tại khoản 3 Điều 31, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc không yêu cầu kê khai thông tin về giấy tờ pháp lý đối với thành viên, cổ đông sáng lập của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nhằm đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.</p> <p>- Hiện nay trong số các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động, một số công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước khi Luật Chứng khoán 2006 được ban hành. Tuy nhiên, các công ty này không cập nhật các thay đổi tại Cơ quan đăng ký kinh doanh từ khi Luật Chứng khoán 2006 có hiệu lực (ngày 1/1/2007). Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo phối hợp nghiên cứu phương án cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty này.</p> <p>- Ngoài ra, đề nghị bổ sung như sau: <i>“3. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Chứng khoán thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi</i></p>		<p>- Đề nghị giải thích cụ thể lý do không khả thi</p> <p>- Đề nghị làm rõ các công ty này khi chuyển sang hoạt động theo Luật CK 2006 có làm thủ tục chuyển không hay đăng ký mới --> Đề nghị trao đổi trực tiếp Đề nghị có ý kiến đối với khoản 1 Điều 93 Dự thảo về điều khoản chuyển tiếp</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	thuế”.	<i>đặt trụ sở của công ty, chi nhánh. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.”</i>		- Tiếp thu
Điều 31, Điều 74	UBCKNN: Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán tại khoản 4 Điều 31 và khoản 6 Điều 74 Dự thảo	Theo khoản 4 Điều 95 Luật Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi đã thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: Khoản 4 Điều 31: <i>“4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 74 Nghị định này sau khi có thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán bị thu hồi giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 6</i>	Việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải trên cơ sở là văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
			<p>Điều 74 Nghị định này.” Khoản 6 Điều 74: “6. <u>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông báo đã thu hồi giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật chuyên ngành, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”</u></p>	
Điều 8, Điều 15 15, Điều 37	<p>BHXH: Tại khoản 4, Điều 22, Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định cơ quan bảo hiểm xã hội có quyền “Được cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy chứng nhận hoạt động hoặc giấy phép hoạt động gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận hoạt động hoặc quyết định thành lập để thực hiện đăng ký lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với doanh nghiệp, tổ chức thành lập mới”.</p> <p>Tại Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam,</p>		<p>Đề nghị xem xét bổ sung:</p> <p>i) Trách nhiệm cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh cho cơ quan bảo hiểm xã hội vào khoản 4 Điều 15 và khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định;</p> <p>ii) Quy định về việc tích hợp giữa mã số doanh nghiệp và mã số đơn</p>	<p>Việc liên thông, cung cấp thông tin với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Văn phòng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ “liên thông đăng ký thành lập doanh nghiệp và cấp mã số đơn vị bảo hiểm xã hội”. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định về phối hợp liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khai trình lao động, cấp mã số đơn vị bảo hiểm xã hội, sử dụng hóa đơn đặt in, tự in, trong đó có nội dung quy định “Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc được sử dụng làm mã số đơn vị bảo hiểm xã hội”.		vi bảo hiểm xã hội tại khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định	



BẢNG 2: TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Tổng số địa phương có ý kiến: 27

- Số địa phương nhất trí hoàn toàn với nội dung Dự thảo Nghị định: 08 (Quảng Ngãi, Lai Châu, Cao Bằng, Bến Tre, Hà Giang, Kiên Giang, Bắc Kạn, Nghệ An).

- Số địa phương có ý kiến góp ý: 19

A. Ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Bạc Liêu	Các quy định trong hồ sơ: thay đổi nội dung và hồ sơ thành lập Chi nhánh/văn phòng đại diện	Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông (đối với Nghị quyết, Quyết định chỉ nên chọn một trong hai văn bản trên thể hiện sự đơn giản hóa trong thủ tục hành chính)	Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông	Đề xuất giữ nguyên như Dự thảo. Luật Doanh nghiệp 2020 sử dụng cụm từ này
TP. HCM:	Các quy định về thành phần hồ sơ đối với các loại hồ sơ: - Công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất công ty (Điều 25) - Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (Điều 26) - Đăng ký doanh nghiệp xã hội (Điều 29) - Đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng (Điều 30) - Đăng ký hoạt động CN, VPĐD(Điều 32) - Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (Điều 47)	Cần xác định rõ công ty chỉ phải nộp Nghị quyết hoặc Quyết định trong đầu mục thủ tục, do dự thảo Nghị định ghi <i>nghị quyết, quyết định</i> dễ gây nhầm lẫn là phải nộp cả 2 loại văn bản	Điều chỉnh như sau: “ <i>Quyết định của Chủ tịch công ty, nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông về việc ...</i> ”	Đề xuất giữ nguyên như Dự thảo. Luật Doanh nghiệp 2020 sử dụng cụm từ này

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (Điều 48) - Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật (Điều 50) - Đăng ký thay đổi vốn điều lệ (Điều 51) - Đăng ký thay đổi thành viên (Điều 52) - Đăng ký thay đổi chủ sở hữu (Điều 53) - Thông báo thay đổi ngành nghề (Điều 56) - Đăng ký thay đổi đối với công ty bị tách, nhận sáp nhập (Điều 61) - Đăng ký tạm ngừng kinh doanh (Điều 66) - Đăng ký giải thể doanh nghiệp (Điều 69) - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Điều 71) 			
Điều 1	Thái Bình: Phạm vi điều chỉnh	Phạm vi điều chỉnh chưa đề cập đến cơ quan đăng ký, quản lý nhà nước về hộ kinh doanh	Nghị định này quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về Cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.	Tiếp thu
Điều 3	TP. HCM: Khoản 7: Người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện	Trích dẫn không chính xác Điều của Dự thảo Nghị định	Sửa Điều 11 thành Điều 12	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 11 Nghị định này			
Điều 3	Ninh Bình: bổ sung	Nhiều hồ sơ danh nghiệp đăng ký qua mạng điện tử được tạo qua điện thoại thông minh bằng phai ảnh (không được Scan trực tiếp từ bản giấy) nhiều khi hình ảnh không rõ nét, phông chữ, khổ giấy bị méo, không thể hiện được chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy.	10. Văn bản điện tử là dữ liệu điện tử được tạo trực tuyến hoặc được quét (scan) từ văn bản giấy theo định dạng “.doc” hoặc “.pdf” và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy	Đã quy định tại Khoản 2 Điều 43 Dự thảo Nghị định
Điều 4	Thái Bình: Khoản 3: Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.	Điểm đ Khoản 1 Điều 216 Luật doanh nghiệp 2020 có quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp”, do vậy Nghị định cũng cần thống nhất với nội dung này	Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp	Tiếp thu
Điều 4	Khoản 5: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký	Bạc Liêu: Tuy nhiên, trong hồ sơ doanh nghiệp ngoài giấy tờ được nêu còn những giấy tờ khác như: Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng ... không thấy quy định.	Tất cả hồ sơ cần có sự thống nhất trong việc đóng dấu hoặc không đóng dấu doanh nghiệp	Khoản 3 Điều 43 Luật DN quy định doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối với các giấy tờ trong hồ sơ ĐKDN mà pháp luật

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	doanh nghiệp	<p>An Giang: Dự thảo quy định: “Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”.</p> <p>Tuy nhiên hồ sơ đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi, bổ sung còn rất nhiều loại giấy tờ khác ngoài những giấy tờ quy định trên.</p> <p>Kon Tum: Việc quy định chi tiết các thành phần hồ sơ không bắt buộc đóng dấu sẽ phát sinh những thành phần bắt buộc đóng dấu trong hồ sơ đăng ký DN</p>	<p>Các giấy tờ, biểu mẫu theo Luật Doanh nghiệp và do doanh nghiệp tự phát hành không bắt buộc phải đóng dấu trừ các trường hợp giấy tờ do các cơ quan, tổ chức khác ban hành</p> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc đóng dấu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</p>	<p>chuyên ngành quy định phải đóng dấu thì doanh nghiệp phải tuân thủ.</p> <p>Đề xuất giữ nguyên như dự thảo vì Dự thảo quy định về việc đóng dấu của doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không phải dấu của cơ quan, tổ chức khác ban hành các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Khoản 3 Điều 43 Luật DN quy định doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối với các giấy tờ trong hồ sơ ĐKDN mà pháp luật chuyên ngành quy định phải đóng dấu thì doanh nghiệp phải tuân thủ.</p>
Điều 4	Hà Tĩnh: Khoản 5: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy	Dự thảo chi quy định một số giấy tờ không bắt buộc phải đóng dấu, nội dung này ở Nghị định 108/2018/NĐ-	Thực hiện theo tinh thần của Luật doanh nghiệp số 59/QH14 nên sửa lại là: Doanh nghiệp không bắt	Khoản 3 Điều 43 Luật DN quy định doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	CP cũng đã có quy định và trong thực tiễn đã có vướng mắc là khi doanh nghiệp nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hoạt động, hồ sơ tiếp tục hoạt động trở lại trước thời hạn, hồ sơ giải thể, hồ sơ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp còn có các thành phần hồ sơ khác không quy định tại điều khoản này nên phải đóng dấu gây ra tranh cãi, ví dụ như Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật, Thông báo bổ sung cập nhật thông tin, giấy đề nghị hiệu đính thông tin doanh nghiệp, thông báo tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh, danh sách thành viên, thông báo giải thể doanh nghiệp	buộc phải đóng dấu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, bao gồm tất cả các thành phần hồ sơ theo quy định tại nghị định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.	dịch theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối với các giấy tờ trong hồ sơ ĐKDN mà pháp luật chuyên ngành quy định phải đóng dấu thì doanh nghiệp phải tuân thủ.
Điều 4	Phú Yên: Khoản 5: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết,	Trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ngoài giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp, còn phát sinh các giấy tờ khác về đăng ký	Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp, giấy tờ khác về	Khoản 3 Điều 43 Luật DN quy định doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối với các giấy tờ trong hồ sơ

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	doanh nghiệp	đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	ĐKDN mà pháp luật chuyên ngành quy định phải đóng dấu thì doanh nghiệp phải tuân thủ.
Điều 5	Vĩnh Long: Khoản 1: Thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ	Bổ sung thêm đối tượng đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, VPĐD, ĐĐKD) vào quyền thành lập	1. Việc thành lập doanh nghiệp và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, VPĐD, ĐĐKD) theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ.	Tiếp thu
Điều 8	Thái Bình: Khoản 6: Mã số địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.	Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ngoài tỉnh nơi doanh nghiệp/chi nhánh đặt trụ sở chính; doanh nghiệp phải được cơ quan thuế nơi có địa điểm kinh doanh cấp mã số thuế, nhưng hiện tại chưa có quy định về nội dung này.	Bổ sung nội dung hướng dẫn doanh nghiệp liên hệ cơ quan thuế để được cấp mã số thuế cho địa điểm kinh doanh ngoài tỉnh nơi doanh nghiệp/chi nhánh đặt trụ sở chính.	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này
Điều 9	Thái Bình: Khoản 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.	Thực tế khi đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thường đăng ký nhiều nội dung	Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Bộ hồ sơ có thể gồm nhiều nội dung đăng ký doanh nghiệp	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo, quy định doanh nghiệp nộp một bộ hồ sơ tức là doanh nghiệp chỉ nộp một bản, không phải sao nhiều bản của cùng một giấy tờ trong hồ sơ ĐKDN
Điều 10	Thái Bình: Khoản 2: Trường hợp hồ sơ đăng	Hồ sơ phải có bản dịch Tiếng Việt công chứng nhưng không dịch từ bản	Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước	Bản dịch tiếng việt đã có dịch công chứng. Đồng

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.	gốc thì sao?	ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch Tiếng Việt công chứng kèm theo bản sao hợp lệ tài liệu bằng tiếng nước ngoài.	thời, khoản 4 Điều 10 Dự thảo ND quy định trách nhiệm của DN và người thành lập DN trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản dịch và bản tiếng nước ngoài
Điều 11	Vĩnh Long: Khoản 2: Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực	Nên có quy định đối với trường hợp các hộ chiếu nước ngoài không hợp pháp tại Việt Nam	2. Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài hợp pháp còn hiệu lực.	Không tiếp thu vì đương nhiên giấy tờ nộp cho cơ quan nhà nước phải hợp pháp
Điều 14	Nam Định + TP. HCM + Thái Bình: Điểm b khoản 1: Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 15 Nghị định này.		Đề nghị sửa lại: <i>Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 16 Nghị định này.</i>	Tiếp thu
Điều 20	Thái Bình: Khoản 2: Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết	Nội dung kê khai tên nước ngoài, tên viết tắt của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp chưa nêu cụ thể trong Nghị định	Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. <i>Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang</i>	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	tất.		<i>một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.</i>	
Điều 26	Hà Tĩnh: Điều này hướng dẫn về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, trong đó có quy định hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này.	Qua rà soát các thành phần hồ sơ quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này thì có một thành phần hồ sơ không phù hợp đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đó là thành phần: “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được doanh nghiệp thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành” . Thành phần này chỉ áp dụng đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp, còn trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi chỉ xảy ra đối với nội dung góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vì vậy khi chuyển nhượng mà có trường hợp góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài thì phải yêu cầu thành phần hồ sơ theo	Đối với từng trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp nên hướng dẫn rõ từng thành phần hồ sơ, không ghi chung hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này. - <i>Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được doanh nghiệp thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành”</i> - <i>Bổ sung thành phần hồ sơ: “Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2</i>	Cần nhắc tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư số 61/2020.	<i>Điều 26 Luật đầu tư 2020.</i>	
Điều 26	TP. HCM:	Thiếu thành phần hồ sơ đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn	Bổ sung thêm thành phần: <i>“Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư”</i>	Cần nhắc tiếp thu
	TP. HCM: Khoản 1: Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần...	Khoản 2 Điều 193 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: <i>“Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết thì người thừa kế hoặc một trong những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ doanh nghiệp tư nhân theo thỏa thuận giữa những người thừa kế. Trường hợp những người thừa kế không thỏa thuận được thì đăng ký chuyển đổi thành công ty hoặc giải thể doanh nghiệp tư nhân đó.”</i>	Bổ sung hướng dẫn: hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh trong trường hợp thừa kế.	Cần nhắc tiếp thu
Điều 26	Thái Nguyên: Khoản 3, Khoản 4 Điều 26	Chưa quy định thành phần hồ sơ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty TNHH một thành viên trong trường hợp công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần chỉ còn lại 01 thành viên, 01 cổ đông	Bổ sung quy định về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thành công ty TNHH một	Cần nhắc tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		do các thành viên, cổ đông khác không góp vốn theo cam kết.	thành viên trong trường hợp doanh nghiệp chỉ còn lại 01 thành viên, 01 cổ đông do các thành viên, cổ đông khác không góp vốn theo cam kết.	
Điều 26	<p>TP. HCM:</p> <p>Điểm b khoản 4:</p> <p>Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định này và các giấy tờ sau đây:</p> <p>... b) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; thỏa thuận góp vốn đầu tư trong trường hợp tiếp nhận vốn góp của thành viên, cổ đông mới; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp trong trường hợp thừa kế cổ phần, phần vốn góp.</p>	Thiếu Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần	<p>Điều chỉnh như sau:</p> <p><i>“Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp ...”</i></p>	Tiếp thu
Điều 26	TT-Huế:	Trong trường hợp Doanh nghiệp	Đề nghị sửa đổi nội dung Khoản 5	Quy định tại NĐ 108

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Khoản 5: Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thực hiện đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm thay đổi người đại diện theo pháp luật), thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì thẩm quyền ký vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) chưa được quy định cụ thể.	Điều 26 tại Dự thảo như sau: “5. <i>Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác, trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật.</i> ” (trương tự nội dung tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) hoặc bổ sung nội dung quy định cụ thể về thẩm quyền ký trong trường hợp này.	Vướng trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân, TNHH một thành viên chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật chết, để lại thừa kế cho hai người. Doanh nghiệp bắt buộc phải chuyển đổi loại hình DN đồng thời thay đổi người đại diện theo PL
Điều 26	Thái Nguyên: Khoản 5: Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Quy định doanh nghiệp khi đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có thể đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Quy định này dẫn đến người ký giấy đề nghị là người đại diện theo pháp luật mới hay người đại diện theo pháp luật cũ đều không phù hợp. Vì theo Nghị quyết/ Quyết định của doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật cũ đã bị miễn nhiệm và đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết được thông qua... Nhưng	Bổ sung Khoản 5 Điều 26 như sau: “ <i>Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật.</i> ”	Quy định tại NĐ 108 vướng trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân, TNHH một thành viên chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật chết, để lại thừa kế cho hai người. Doanh nghiệp bắt buộc phải chuyển đổi loại hình DN đồng thời thay đổi người đại diện theo PL

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		thông tin về người đại diện theo pháp luật mới lại chưa có giá trị pháp lý do Phòng Đăng ký kinh doanh chưa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi cho doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.		
Điều 29	TP. HCM: Khoản 1, 2, điểm a Khoản 3 Điều 29	Thiếu chữ “ doanh ” trong đoạn: “ <i>Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin của <u>nghiệp</u> trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i> ” của Khoản 1, 2, điểm a Khoản 3.	Điều chỉnh như sau: “ <i>Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i> ”	Tiếp thu
Điều 30	Phú Yên: Khoản 1: Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Qua trao đổi với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên, có một số trường hợp không cần thiết phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ví dụ: Thay đổi người đứng đầu chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng; Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng...). Việc này khiến cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên gặp vướng mắc khi tiếp.	Cần quy định rõ các trường hợp nào phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng.	Tham khảo ý kiến NHNN

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		nhận các hồ sơ liên quan đến tổ chức tín dụng.		
Điều 31	TP. HCM + Phú Yên: Khoản 4	Sai chính tả tại đoạn: “ <i>Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoá ...</i> ”	Sửa thành: chứng khoán	Tiếp thu
Điều 32	Khoản 2: Thông báo lập địa điểm kinh doanh Doanh nghiệp có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.	Hà Nam: Quy định này gây khó khăn cho phòng ĐKKD trong việc nắm bắt thông tin. Hà Tĩnh: Hồ sơ lập địa điểm kinh doanh chỉ có Thông báo lập địa điểm kinh doanh, không có kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu địa điểm, nội dung này sẽ gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong quá trình xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh không có dữ liệu để đối chiếu thông tin của người đứng đầu địa điểm doanh nghiệp kê khai tại hồ sơ vì có nhiều	Đề xuất yêu cầu doanh nghiệp gửi kèm bản sao giấy tờ pháp lý của người đứng đầu địa điểm kinh doanh. Bổ sung tại Khoản 2 Điều 32 Dự thảo Nghị định: Kèm theo Thông báo lập địa điểm kinh doanh phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu địa điểm kinh doanh.	Đề xuất giữ nguyên như Dự thảo. Khoản 5 Điều 45 Luật DN không quy định thành phần hồ sơ này -> Đơn giản thành phần hồ sơ đối với địa điểm kinh doanh Đề xuất giữ nguyên như Dự thảo, theo quy định tại khoản 5 Điều 45 Luật DN

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		trường hợp người đứng đầu địa điểm kinh doanh không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hay người đứng đầu chi nhánh.		
Điều 32	Nam Định + TP. HCM: Khoản 4: Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở gửi thông tin đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		Đề nghị bỏ khoản này vì thông tin lập chi nhánh, văn phòng đại diện đã được cập nhật trên hệ thống	Tiếp thu
Điều 32	TP. HCM: 5. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó...	Chưa có hướng dẫn về việc cập nhật thông tin chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của doanh nghiệp	Bổ sung hướng dẫn: Trình tự, thủ tục tiếp nhận và trả kết quả về việc cập nhật thông tin chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của doanh nghiệp.	Cần nhắc tiếp thu
Điều 33	Khánh Hoà: Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Hiện nay, hồ sơ bản giấy lưu trữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh số lượng rất lớn, trong khi đó, nhân lực Phòng Đăng ký kinh doanh còn hạn chế, chưa đủ thời gian để kịp thời sắp xếp lưu trữ hồ sơ, gây khó khăn trong việc tìm kiếm, sao lục hồ sơ đăng ký	Bổ sung quy định tại Khoản 6 Điều 33 Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: Sau khi chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện tải file scan Giấy chứng nhận đăng	Không tiếp thu. Phòng ĐKKD có thể tự scan các Giấy đã cấp

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu. Vì vậy, việc bổ sung thêm 01 bước tải file scan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của lãnh đạo phòng lên Hệ thống sẽ dễ dàng sao lục hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.	ký doanh nghiệp có chữ ký của lãnh đạo phòng lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	
Điều 33	Ninh Bình: Điểm c, khoản 2: Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: ... c) Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; ...	Nếu không có số điện thoại liên hệ, các cơ quan đăng ký kinh doanh không thể thông báo kịp thời tình trạng hồ sơ nếu cần chỉnh sửa	Có địa chỉ liên lạc, số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.	Tiếp thu, bổ sung điện thoại, email
Điều 33	Long An: Khoản 5: Doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị	Chưa quy định đối với trường hợp thành lập mới đối với công ty và đơn vị trực thuộc; Do đó, nên bổ sung "Người thành lập doanh nghiệp".	Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng đăng ký	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	dùng đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đã nộp hồ sơ. Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, ra thông báo dùng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đã nộp hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, ra thông báo dùng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	
Điều 34	Thái Bình: Khoản 1: Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ vào thời điểm cuối giờ trong ngày có xác định là 01 làm việc không ?	Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc (<i>tương ứng 72 giờ</i>) kể từ <i>thời điểm</i> nhận được hồ sơ hợp lệ.	Ngày làm việc và cách tính thời hạn đã được quy định tại bộ luật dân sự và Luật lao động
Điều 35	An Giang: Khoản 2: Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ	Dự thảo chưa quy định thời gian doanh nghiệp đăng ký hoạt động tối đa <u>sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> . Vì trên thực tế đã có doanh nghiệp có đặt vấn đề này và ghi khoản thời gian hoạt động khá lâu so với ngày <u>được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh</u>	Thời gian doanh nghiệp đăng ký hoạt động tối đa không quá 01 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Quyền của doanh nghiệp, không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị định này.

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày doanh nghiệp đăng ký.	<u>ngành. Việc này sẽ gây khó khăn cho công tác thống kê báo cáo, doanh nghiệp lợi dụng điều này để giữ tên hoặc trốn tránh việc khai báo thuế.</u>		
Điều 35	TP. HCM: Khoản 3: Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định.	Theo quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư thì các hình thức bản sao gồm: sao y, sao lục và trích sao.	Đề nghị Nghị định xác định rõ Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp loại bản sao gì của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp? Trình tự, thủ tục thực hiện?	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020 về công tác văn thư
Điều 39	Hà Tĩnh: Khoản 1, khoản 4: 1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến Phòng Đăng ký	Tại Điều 39 hướng dẫn về các trường hợp hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh do bị sai nhưng không có hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi lại bản sai nên	Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung tại khoản 1, Khoản 4 “ Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh	Nguyên tắc thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN có giá trị pháp lý là thông tin gốc; Trường hợp doanh nghiệp được cấp ra Giấy mới thì các Giấy trước không còn hiệu lực.

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.</p> <p>... 4. Việc hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	<p>sẽ gây ra một số trường hợp tranh chấp khi cấp lại bản đúng mà không thu bản sai và sẽ có trường hợp doanh nghiệp đi giao dịch cả bản đúng và bản sai.</p>	<p>chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin kèm theo bản gốc giấy chứng nhận ĐKDN, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh bị sai đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp/chi nhánh/ văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.”</p>	
Điều 43	<p>Khánh Hoà: Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử</p>	<p>Một số doanh nghiệp scan (quét) file trắng đen lên hệ thống, nhìn rất giống với chữ ký phôi; một số file được chụp bằng điện thoại, không rõ chữ, mờ.</p>	<p>Bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 43 Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử: Văn bản điện tử được scan (quét) lên Hệ thống đảm bảo các</p>	<p>Không đưa vào Nghị định Nếu không đọc được, Phòng ĐKKD yêu cầu DN scan lại. Nguyên tắc DN tự chịu trách nhiệm</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
			trang có chữ ký phải scan màu, rõ chữ ký	
Điều 43, Điều 45	<p>TT-Huế:</p> <p>Khoản 1 Điều 43: “Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định của Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. <i>Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.</i>”.</p>	<p>- Đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Thừa Thiên Huế nhận thấy nhiều trường hợp Doanh nghiệp đã thực hiện cắt dán chữ ký hoặc sử dụng chữ ký scan của người có thẩm quyền ký trên các văn điện tử (đối với định dạng .pdf hoặc định dạng ảnh).</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa nội dung Khoản 1 Điều 43 như sau: “3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử bằng chữ ký số công cộng có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.”</p>	<p>Theo quy định tại Điều 26 LDN thì hồ sơ ĐK qua mạng ĐT (kể cả TKĐKKD) không phải nộp bản giấy</p>
	<p>Khoản 3 Điều 45: “Phòng Đăng ký kinh doanh cấp đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.”.</p>	<p>- Đối với văn bản điện tử, cán bộ xử lý khó phân biệt nội dung được ký trực tiếp hoặc chữ ký scan.</p> <p>Trong những trường hợp như vậy, phòng Đăng ký kinh doanh nhận thấy hồ sơ đăng ký bằng tài khoản đăng ký kinh doanh có tính pháp lý không cao.</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa nội dung Điều 45 theo hướng tương tự nội dung được quy định tại Điều 38 Nghị định 78/2015/NĐ-CP.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 26 LDN thì hồ sơ ĐK qua mạng ĐT (kể cả TKĐKKD) không phải nộp bản giấy</p>
Điều 45	<p>Hà Nam</p> <p>Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh</p>	<p>Theo Điều 45 thì đối với hồ sơ qua mạng nộp bằng tài khoản đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp sẽ không cần nộp hồ sơ giấy để đối chiếu như hiện nay. Tuy nhiên, việc cấp tài</p>	<p>Đề xuất vẫn yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ bản giấy trong trường hợp nộp hồ sơ bằng tài khoản đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 26 LDN thì hồ sơ ĐK qua mạng ĐT (kể cả TKĐKKD) không phải nộp bản giấy</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	doanh	khoản đăng ký kinh doanh hiện nay đang được quản lý khá lỏng lẻo. Cá nhân nếu vô tình đánh mất chứng minh thư thì có thể bị người khác dùng chứng minh thư để thành lập hoặc thay đổi, tạm ngừng doanh nghiệp... Ngoài ra, cá nhân dùng cùng lúc chứng minh nhân dân và căn cước công dân (trường hợp này khá nhiều vì khi đi làm căn cước công dân, nếu kê khai là bị mất chứng minh nhân dân thì sẽ không bị thu lại chứng minh nhân dân) thì có thể đăng ký cùng lúc 2 tài khoản đăng ký kinh doanh.		
Điều 45	Thái Nguyên: Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo không quy định về trình tự thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh phải thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp khi nộp hồ sơ như đối với trường hợp đăng ký doanh nghiệp sử dụng chữ ký số và đảm bảo phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Dự thảo Nghị định. - Dự thảo quy định chưa đảm bảo tính chặt chẽ về trình tự thủ tục khi 	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung Điều 45: Quy định phải thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đối với trường hợp đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh. - Bổ sung thêm quy định về trình 	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		<p>đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh. Với quy trình hiện hành, chế độ kiểm duyệt đăng ký sử dụng tài khoản đăng ký doanh nghiệp chưa đảm bảo được tính xác thực hồ sơ. Một cá nhân có thể sử dụng giấy chứng thực cá nhân của một cá nhân khác do mượn hoặc nhất được ... để đăng ký tài khoản nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>tự thủ tục khi đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh nhằm đảm bảo tính chặt chẽ và tính xác thực của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.</p>	
Chương VI	<p>Phú Yên: HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP</p>	<p>Nội dung Quyết định, Nghị Quyết, biên bản họp không còn quy định về việc phải ghi rõ các nội dung sửa đổi điều lệ.</p>	<p>Kiến nghị vẫn giữ nguyên việc phải ghi rõ những nội dung phải sửa đổi, bổ sung điều lệ trong Nghị quyết, quyết định, biên bản họp.</p>	<p>Luật DN không quy định nội dung của nghị quyết, quyết định.</p>
Điều 47	<p>An Giang: Khoản 1: Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.</p>	<p>Mặc dù quy định “Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế” nhưng trên thực tế rất nhiều trường hợp bị từ chối hồ sơ do “doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ</p>	<p>Đối với thủ tục này đề nghị bổ sung thêm giấy tờ chứng minh doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục liên quan thuế hoặc có “nút” kiểm tra ban đầu và quy định cán bộ được quyền từ chối nếu kiểm tra phát hiện doanh nghiệp chưa hoàn thành các thủ tục liên quan đến cơ quan thuế</p>	<p>DN có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về thuế. Đề xuất giữ nguyên dự thảo để giảm tải thành phần hồ sơ</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		thuế” mặc dù doanh nghiệp đã liên hệ với cơ quan thuế và được cơ quan thuế hướng dẫn nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng trên hệ thống thông tin thuế thì chưa kịp ghi nhận thông tin doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục liên quan. Do đó, sau thời gian hẹn trả kết quả “từ chối hồ sơ” doanh nghiệp phải quay về làm lại từ đầu.		
Điều 47	Vĩnh Long: Khoản 2: Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây: ...	Bổ sung xác nhận của cơ quan Thuế về tình trạng thuế khi chuyển trụ sở	c) Xác nhận tình trạng thuế của cơ quan thuế nơi chuyển đi	DN có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về thuế. Đề xuất giữ nguyên dự thảo để giảm tải thành phần hồ sơ
Điều 50	Khoản 2: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.	TT-Huế: Trong trường hợp từ chối ký thì như thế nào? Đà Nẵng:	Đề nghị bổ sung nội dung quy định về thẩm quyền ký trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty từ chối ký tên vào thông báo. Đề nghị quy định rõ việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành	Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>“...<i>người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</i>”</p>	<p>viên trong trường hợp Hội đồng thành viên chỉ có 02 người (01 người mất hoặc đi tù). Đề nghị bỏ cụm từ “tạm thời”.</p>	<p>Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>
		<p>Thái Nguyên: Dự thảo quy định trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì được ủy quyền cho người khác ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật. Nội dung này chưa rõ ràng, không thống nhất với các nội dung khác được quy định tại Dự thảo Nghị định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy định rõ cá nhân được ủy quyền; - Không quy định trường hợp Chủ tịch công ty đối với Công ty TNHH một thành viên trong trường hợp vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì 	<p>Đề nghị bỏ nội dung “<i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</i>”. Tại Khoản 2 Điều 50 Dự thảo Nghị định.</p>	

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		<p>có được ủy quyền cho người khác ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật?</p> <p>- Dự thảo quy định Người đại diện theo pháp luật phải trực tiếp ký Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (không quy định được ủy quyền cho người khác).</p>		
Điều 50	<p>Trà Vinh:</p> <p>Khoản 1: Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:...</p>	<p>Tránh được rủi ro về mặt pháp lý trong quá trình hoạt động của DN</p>	<p>Bổ sung thêm điểm d khoản 1 như sau: “Doanh nghiệp không được gộp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung thay đổi khác”</p>	<p>Hiện nay không vướng, doanh nghiệp phải đảm bảo thẩm quyền ký văn bản</p>
Điều 50	<p>Sóc Trăng:</p> <p>Khoản 2: Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình</p>	<p>Trường hợp Chủ tịch công ty không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình (ví dụ bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là ai?</p>		<p>Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Điều 50	Quảng Ngãi:	Theo quy định tại khoản 6 điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 thì đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.	Trong Dự thảo Nghị định chưa có quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong trường hợp này. Đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong trường hợp quy định tại khoản 6 điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.	Tiếp thu
Điều 50, Điều 53	Nam Định: - Điểm a Khoản 1 Điều 50 có ghi: “Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch công ty, hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký. Trường hợp Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện		<i>Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi, trong thông báo của phục lục Thông tư</i>	Hiện nay không vướng, doanh nghiệp phải đảm bảo thẩm quyền ký văn bản

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>theo pháp luật thì Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị mới là người ký thông báo”</p> <p>- Khoản 1 Điều 53 có ghi: “Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký:</p> <p><i>Thực tế xảy ra:</i> Trường hợp Doanh nghiệp vừa nộp hồ sơ thay đổi chủ sở hữu, thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời nộp hồ sơ thay đổi các nội dung khác như: thay đổi thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh... thì người đại diện pháp luật ký thông báo trong trường hợp này là người đại diện đang có tên trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia hay người đại diện mới theo quyết định của doanh nghiệp. <i>(Đề nghị làm rõ vấn đề này để cán bộ thụ lý hồ sơ cho đúng)</i></p>		<p><i>hướng dẫn Nghị định về đăng ký doanh nghiệp nội dung chữ ký người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gồm người đại diện theo pháp luật hiện tại và người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi ký, ghi rõ họ tên).</i></p>	
Điều 51	<p>Khánh Hoà:</p> <p>Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp</p>	<p>Nhiều doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính do kế toán, người đại diện theo pháp luật tự lập, mà cơ quan đăng ký kinh doanh không đủ khả năng để kiểm tra báo cáo tài chính này có đúng quy định pháp luật về thuế hay không</p>	<p>Đề nghị bổ sung báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ (báo cáo tài chính có xác nhận đã nộp cho cơ quan thuế)</p>	<p>Nguyên tắc DN tự kê khai và tự chịu trách nhiệm</p>
Điểm c Khoản 1. Điều 51; điểm e khoản 1, điểm đ. khoản 2	<p>Phú Yên:</p> <p>Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2</p>	<p>Với quy định này, thực tế hiện nay, có một số doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh, thành phố khác (như: Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh...) đăng ký đầu tư tại tỉnh Phú Yên. Trước khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>	<p>Cần bổ sung quy định về hồ sơ liên quan đến việc triển khai dự án của doanh nghiệp trong hồ sơ gửi lấy ý kiến về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.</p>	<p>Chuyển nhượng dự án khác chuyển nhượng vốn góp. Nội dung này liên quan đến hồ sơ đăng ký đầu tư tại cơ quan đăng ký đầu tư</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Điều 52; điểm đ khoản 1 Điều 53; điểm đ khoản 1 Điều 58	Điều 26 Luật Đầu tư.	<p>là doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Nhưng sau khi được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì làm thủ tục thay đổi thành viên, có sự tham gia góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài và được Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp đăng ký thay đổi.</p> <p>Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện dự án tại tỉnh Phú Yên, bị vướng quy định đối với một số khu vực không được phép có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.</p>		
Điều 51	<p>Phú Thọ:</p> <p>Khoản 2: Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ</p>	Việc thay đổi tỷ lệ phần vốn góp của thành viên có thể dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài	Bổ sung nội dung: <i>Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư năm 2020.</i>	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	bao gồm các giấy tờ sau đây:	khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế.		
Điều 52, Điều 53, Điều 58	TP. HCM:	Thiếu quy định về bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự	Bổ sung: Điều 52: “Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự” Điều 53: “Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự” Điều 58: “Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự”	Tiếp thu (đối với thành viên, chủ sở hữu, cổ đông là tổ chức nước ngoài mới)
Điều 52	Thái Bình: Điểm a khoản 3: Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây: a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;	Nghị định chưa nêu cụ thể người đại diện pháp luật nào ký trong trường hợp thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật bị chết	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký. Trường hợp thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị chết thì người đại diện theo pháp luật dự kiến là người ký thông báo.	Thực hiện theo quy định tại khoản 5 điều 12 LDN, HĐTV bầu người khác làm người đại diện theo pháp luật
Điều 52	Nam Định + TP. HCM + Hà		Đề nghị sửa lại: Trường hợp đăng	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>Tỉnh:</p> <p>Khoản 4: Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 48 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây: ...</p>		<p>ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây: ...</p>	
Điều 53	<p>Ninh Bình + TP. HCM:</p> <p>Điểm d, khoản 1: Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức thì người nhận chuyển nhượng phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>... d) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp; ...</p>	<p>Thiếu từ nối giữa Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp</p>	<p>Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp <i>hoặc</i> các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp</p>	Tiếp thu
Điều 54	<p>Đà Nẵng: Điểm c khoản 1:</p> <p>Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trường hợp chủ</p>	<p>Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán,</p>	<p>Đề nghị bổ sung rõ các hợp đồng mua bán này cần được chứng thực như đối với trường hợp cho</p>	<p>Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân cần công chứng theo quy định tại</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>doanh nghiệp tư nhân bán, tặng cho doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân chết [...]. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>[...] c) Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán, tặng cho trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp trong trường hợp thừa kế.</p>	<p>tặng cho trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân có cần phải được công chứng xác thực không?</p>	<p>thuê doanh nghiệp tư nhân.</p>	<p>Điều 191 Luật DN. LDN không quy định việc công chứng, chứng thực với hợp đồng mua bán, tặng cho DNTN -> Thực hiện theo pháp luật chuyên ngành</p>
Điều 56	<p>Hà Tĩnh: Điều 56. Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh</p>	<p>Qua rà soát thì có nội dung nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì thành phần hồ sơ có yêu cầu thêm ý kiến của cơ quan đăng ký đầu tư hay không? Vì có một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện có quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, điều này gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn và giải quyết hồ sơ doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung, hướng dẫn thêm đối với trường hợp bổ sung ngành nghề của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vì thực tế đã có nhiều trường hợp tranh cãi, chưa thống nhất về nội dung bổ sung thêm ngành nghề đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	<p>Theo quy định tại Điều 45 NBĐ 118 thì việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh theo pháp luật về doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định. NBĐ hướng dẫn Luật Đầu tư sẽ có Danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường của NĐTNN và các điều kiện cụ thể sẽ được công bố trên NBRS và HT đăng</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Điều 57	Hà Tĩnh: Điều 57. Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết		Bổ sung thêm nội dung quy định về trường hợp doanh nghiệp không thực hiện thông báo thay đổi theo đúng thời gian quy định của Luật doanh nghiệp thì sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.	ký đầu tư Không thuộc phạm vi điều chỉnh của ND này. Doanh nghiệp phải đảm bảo đăng ký thay đổi theo đúng thời hạn quy định.
Điều 62	Nam Định: Khoản 2: Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng		Đề nghị sửa: “ <i>Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa</i>	Tiếp thu “sau khi thay đổi” Không tiếp thu giấy tờ pháp lý người đứng đầu địa điểm kinh doanh để đơn giản hóa thủ tục cho lập địa điểm kinh doanh - Đúng là hiện nay chưa có quy định ràng buộc trường hợp DN sửa đổi, bổ sung NNKD, cụ thể là bỏ 1 NNKD, thì CN, VPDD, ĐKKD cũng phải đăng ký bỏ NNKD đó. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Luật DN thì ngành, nghề kinh doanh

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	đại diện		<p><i>điểm kinh doanh sau khi thay đổi</i></p> <p><u>Bổ sung Khoản 5 Điều 62:</u> Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp liên quan đến mục hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp thì các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của những doanh nghiệp nêu trên phải thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định của điều này.</p>	của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp
Điều 62	TP. HCM: Khoản 2, khoản 3	Thiếu “địa điểm kinh doanh” trong quy định	<p>- “2. Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>3. Trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác</p>	Tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
			<p>nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến.</p> <p>Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.”</p> <p>- Bổ đoạn: “và gửi thông tin đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi trước đây chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở.”</p>	
Điều 69	Kon Tum: Thời hạn xử lý hồ sơ Thông báo giải thể DN là 01 ngày làm việc	Việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ ĐKKD ở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đã chiếm ít nhất 0,5 ngày để luân chuyển hồ sơ. Do vậy, việc quy định thời hạn xử lý dưới 02	Đề xuất sửa đổi lại: 03 ngày làm việc.	Khoản 4 Điều 208 Luật DN quy định việc thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể thực hiện ngay sau

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		ngày không đảm bảo việc trả kết quả đúng hạn.		khi Phòng ĐKKD nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp
Điều 69	Khánh Hoà: Đăng ký giải thể doanh nghiệp đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp	Quy định hiện nay thì bước Thông báo giải thể chỉ mang tính chất hình thức, thời gian quá ngắn.	Trong thời hạn <u>03 ngày</u> làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể. Để đảm bảo đúng quy định về thời hạn đăng ký doanh nghiệp. Quy định rõ việc đăng tải Thông báo giải thể lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày để đảm bảo các chủ nợ, người lao động, cá nhân, tổ chức khác,... biết doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể	<ul style="list-style-type: none"> - “3 ngày”: Khoản 4 Điều 208 Luật DN quy định việc thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể thực hiện ngay sau khi Phòng ĐKKD nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp - Quy định về thời gian đăng tải: Hệ thống không vướng

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Điều 71	Hà Tĩnh: Điều 71. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		Bổ sung thêm thành phần bản gốc giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Nguyên tắc thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN có giá trị pháp lý là thông tin gốc
Điều 72	Kon Tum: Điều 72 quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày các công ty bị hợp nhất, sáp nhập được cấp GCN ĐKDN, Phòng ĐKKD thực hiện chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập	Ngay khi Công ty mới được cấp GCN ĐKDN thì đồng thời các Công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập cũng hết hiệu lực pháp lý. Quyền và nghĩa vụ của các Công ty cũ được Công ty mới kế thừa. Do vậy, có thể rút ngắn thời gian xử lý chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, sáp nhập để đảm bảo dữ liệu về doanh nghiệp được đồng bộ.	Đề xuất sửa đổi lại: “Trong thời hạn 01 ngày làm việc” hoặc: DN nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, sáp nhập đồng thời với hồ sơ đăng ký sáp nhập, hợp nhất.	01 ngày sẽ ko khả thi đối với trường hợp khác tỉnh
Điều 72	TP. HCM: Khoản 3: Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi...	Chưa thấy hướng dẫn đối với việc chấm dứt tồn tại các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập	- Điều chỉnh như sau: “3. Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, công ty nhận sáp nhập gửi thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty bị sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập. Kèm	Cần nhắc tiếp thu

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
			<p>theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 61 Nghị định này.”</p> <p>- Bổ sung hướng dẫn đối với việc chấm dứt tồn tại các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập.</p>	
Điều 74	Khánh Hoà: Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được <u>văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật</u> , trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vậy cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật là cơ quan nào? Điều 74 của Dự thảo cũng chưa quy	Quy định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật là cơ quan nào? việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp kê khai không trung thực về địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.	Không rà soát được hết theo quy định pháp luật chuyên ngành, trường hợp cơ quan có thẩm quyền ra văn bản yêu cầu thu hồi thì phải trích dẫn căn cứ pháp lý theo quy định của luật và chịu trách nhiệm với yêu cầu của mình Khai ko trung thực địa chỉ thì có chế tài xử phạt hành chính, không thuộc trường hợp thu hồi theo quy định của LDN

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		định rõ việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp kê khai không trung thực về địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chưa có biện pháp, chế tài để xử lý triệt để		
Điều 74	Long An: Khoản 6: Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này. (Nên tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải trình, có biện pháp khắc phục, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm).	Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <u>theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này.</u>	Tiếp thu
Điều 74	Nam Định: Khoản 6 Điều 74 có ghi: “Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận		Đề nghị sửa lại: “ <i>Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của</i>	Cân nhắc theo khoản 3

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. Tuy nhiên Khoản 7 Điều 74 có ghi: “Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này”. Vấn đề ở đây là nếu phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện ngay việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thì không còn thời gian để doanh nghiệp báo cáo, giải trình theo Khoản 7 điều này.</p>		<p>luật. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự quy định tại khoản 4 Điều này”.</p>	
Điều 76	<p>Vĩnh Long: Khoản 1: Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây: ...</p>	<p>Bổ sung trường hợp Phòng ĐKKD yêu cầu báo cáo nhưng doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo giải trình không được cơ quan ĐKKD chấp thuận</p>	<p>d) Không báo cáo theo yêu cầu của phòng ĐKKD hoặc báo cáo giải trình không được phòng ĐKKD chấp thuận</p>	<p>Yêu cầu DN báo cáo chứ ko yêu cầu CN, VPDD báo cáo. Do vậy, nếu DN không báo cáo thì thu hồi cả DN, ko chỉ CN, VPDD.</p>
Điều 76	<p>Long An: Khoản 5: . Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng</p>	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này. (Nên tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải trình, có biện pháp khắc phục, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm).</p>	<p>Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn</p>	<p>Tiếp thu</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.		phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại <i>khoản 3</i> Điều này.	
Điều 76	Nam Định: Khoản 7: Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định này		Đề nghị sửa lại: <i>Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 71</i> Nghị định này	Tiếp thu
Điều 90	Nam Định: Điểm đ khoản 1: Không báo cáo về tình hình kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định này		Đề nghị sửa lại: “ <i>Không báo cáo về tình hình kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 16</i> Nghị định này”.	Tiếp thu
Điều 94 - Hiệu lực thi hành	Đà Nẵng: Nghị định này thay thế Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.	Nghị định sửa đổi có thay thế Nghị định số 96/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp không?	Đề nghị bổ sung nội dung này do trong Dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung trước đây được quy định tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu sửa đổi NĐ 96/2015 hướng dẫn chi tiết Luật Doanh nghiệp, dự kiến có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Nghị định này sẽ không hướng dẫn về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp xã hội do đã đưa vào Dự thảo NĐ về ĐKDN

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
1	<p>Bạc Liêu:</p> <p>Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Việc chuyển đổi loại hình có được thay đổi người đại diện pháp luật</p>	<p>Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên không thực hiện đồng thời việc thay đổi người đại diện pháp luật.</p>	<p>Quy định tại NĐ 108 vướng trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân, TNHH một thành viên chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật chết, để lại thừa kế cho hai người. Doanh nghiệp bắt buộc phải chuyển đổi loại hình DN đồng thời thay đổi người đại diện theo PL</p>
2	<p>Bạc Liêu:</p> <p>Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký, tuy nhiên doanh nghiệp được kết hợp nhiều nội dung trong một lần thay đổi như địa chỉ, tên, ngành nghề, thành viên, người đại diện pháp luật...</p>	<p>Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký,</p> <p>Vậy đối với trường hợp thay đổi nhiều nội dung bao gồm thay đổi người đại diện pháp luật ai là người ký (người mới được bổ nhiệm hay người đại diện pháp luật hiện tại).</p>	<p>Cần quy định cụ thể đối với nội dung hồ sơ này, đề xuất hai trường hợp sau</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật không đồng thời với những thay đổi khác + Xác định thẩm quyền ký rõ ràng. 	<p>Doanh nghiệp phải đảm bảo thẩm quyền ký theo quy định. Thay đổi người đại diện theo PL: chủ tịch ký. Thay đổi nội dung khác: người đại diện theo PL ký</p>
3	<p>Bạc Liêu:</p> <p>Thay đổi vốn điều lệ, nhưng không làm thay đổi tỷ lệ đối với cá nhân nước ngoài, tổ chức kinh</p>	<p>Thay đổi vốn, nhưng không thay đổi tỷ lệ đối với cá nhân nước ngoài, tổ chức kinh tế nước ngoài, đối với trường hợp này trong thành phần hồ sơ có văn bản chấp thuận của Sở Kế</p>	<p>Xin được hướng dẫn bổ sung</p>	<p>Các trường hợp phải thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần thực hiện theo pháp luật về đầu tư</p>

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	tế nước ngoài.	hoạch và Đầu tư hay không.		
4	Bạc Liêu: Giấy Ủy quyền đối với thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số.	Sử dụng một Giấy ủy quyền thực hiện nhiều nội dung như: thành lập doanh nghiệp, thành lập đơn vị trực thuộc, thay đổi nội dung, chấm dứt hoạt động... và thực hiện trong thời gian dài và nhiều năm	Cần quy định rõ đối với Giấy Ủy quyền trong trường hợp này.	Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự
5	Bạc Liêu: Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	- Trong Luật Doanh nghiệp 2020 không quy định “Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc là cổ đông (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty cổ phần) - Tại Nghị định không quy định đối với trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, trong thành phần không có hợp đồng chuyển nhượng.	- Cần có quy định đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân. - Bổ sung thành phần hồ sơ: + Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; + Hợp đồng tặng cho hoặc giấy	Luật Doanh nghiệp không có quy định về việc Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc là cổ đông (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty cổ phần) - Về bổ sung thành phần hồ sơ: cần nhắc tiếp thu

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
			tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;	
6	<p>Bạc Liêu:</p> <p>Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 52 Luật doanh nghiệp quy định 3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên công ty thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.</p> <p>Vấn đề đặt ra tại đây là còn một thành viên là thành viên hiện tại hay là tổ chức và cá nhân mới nhận chuyển nhượng</p> <p>Tuy nhiên đối với trường hợp cụ thể như Điều 203 Luật doanh nghiệp 2020 (Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)¹. Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây: a)</p>	Cần quy định rõ hơn.	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		<p>Một cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng của tất cả cổ đông còn lại; b) Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty.</p>		
8	<p>TT-Huế: Quy định rõ về việc tham gia góp vốn của các Đơn vị sự nghiệp công lập (ví dụ các trường Đại học công lập tự chủ 01 phần tài chính).</p>	<p>Hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2020 và Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp đều chưa có nội dung hướng dẫn cụ thể về việc tham gia góp của các Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoặc tự chủ một phần về tài chính trong hoạt động thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp?</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn về nội dung tham gia góp của các Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoặc tự chủ một phần về tài chính tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã quy định về hồ sơ, trình tự, tục ĐKDN. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoặc tự chủ một phần tài chính đăng ký thành lập doanh nghiệp thì áp dụng theo quy định của Nghị định này. Các đơn vị sự nghiệp công lập này phải đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật doanh nghiệp và chuyên ngành về quyền thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp.</p>
9	<p>TT-Huế: Điều 26 Luật Đầu tư: Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp: “2. Nhà đầu tư nước ngoài thực</p>	<p>Hiện nay, Phòng Đăng ký kinh doanh không có cơ sở thông tin, dữ liệu về việc các Doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài có/không sở hữu đất tại</p>	<p>Đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung trên.</p>	<p>Không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị định này.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p><i>hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế trước khi thay đổi thành viên, cổ đông nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>c) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.”</i></p>	<p>đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh? Từ đó yêu cầu Nhà đầu tư nước đang sở hữu đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trước khi tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh.</p>		
10	<p>TP. HCM:</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật mới không giữ chức danh Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị (mà giữ chức danh khác như Tổng giám đốc, Giám đốc), tuy nhiên hồ sơ có thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời có thay đổi Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do ai ký.</p>	<p>Bổ sung nội dung hướng dẫn thêm tại Điều 50</p>	<p>Thay đổi người đại diện theo PL là chủ tịch ký. Trong trường hợp thay đổi chủ tịch thì chủ tịch mới ký. Không vướng</p>
11	<p>TP. HCM:</p> <p>Điều 51</p>	<p>- Chưa thấy quy định nội dung thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên góp vốn công ty</p>		<p>- Thay đổi thành viên góp vốn: thay đổi các nội dung ĐKDN khác quy</p>

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		<p>hợp danh</p> <p>- Công ty hợp danh có được tăng vốn hay giảm vốn không?</p>		<p>định tại Điều 63 Dự thảo NĐ</p>
12	<p>TP. HCM:</p> <p>Khoản 3 Điều 57:</p> <p>Đối với trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>- Đối với việc chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua dẫn đến giảm vốn điều lệ, hoặc số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết cho cá nhân/tổ chức khác.</p>	<p>- Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ do cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua, hồ sơ thực hiện theo Điều 51, kèm theo Danh sách cổ đông sáng lập sau khi giảm vốn;</p> <p>- Đối với trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết cho cá nhân/tổ chức khác, ngoài Thông báo, Danh sách theo Khoản 3 Điều 57 đề nghị bổ sung thêm quyết định chào bán cổ phần chưa thanh toán của Hội đồng quản trị và giấy tờ chứng minh hoàn tất việc bán cổ phần.</p>	<p>- Trường hợp cổ đông không thanh toán hoặc thanh toán một phần số cổ phần đk mua, công ty thực hiện đk thay đổi vốn điều lệ và thông tin cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều 51 và Điều 57 Dự thảo NĐ</p> <p>- Không thêm thành phần hồ sơ cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm</p>
13	<p>TP. HCM:</p> <p>Doanh nghiệp đang tạm ngừng kinh doanh có được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</p>		<p>Đề nghị bổ sung trường hợp Doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh không được thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Điều 65</p>	<p>Hạn chế quyền của doanh nghiệp và sẽ vướng nhiều trên thực tế</p>

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
16	TP. HCM: Địa giới đơn vị hành chính trong địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		Bổ sung quy định xác định rõ địa giới hành chính bao gồm những thành tố nào?	Biểu mẫu Thông tư hướng dẫn về ĐKDN sẽ quy định cụ thể nội dung này
17	Hà Tĩnh: Chuyển đổi từ công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty TNHH thành Doanh nghiệp tư nhân	Thực tế đã có nhiều trường hợp doanh nghiệp hỏi công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh có được chuyển đổi loại hình thành doanh nghiệp tư nhân hay không. Vấn đề này trong Luật doanh nghiệp không có quy định và Nghị định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp không có hướng dẫn mặc dù Điều 205 Luật doanh nghiệp số 59/2020 có quy định về trường hợp Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty hợp danh, công ty cổ phần, nên nội dung này đã gây lúng túng cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn, trả lời cho doanh nghiệp.	Đề nghị cơ quan soạn thảo đối với trường hợp Công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh có được chuyển đổi thành Doanh nghiệp tư nhân không?	Luật DN không quy định chuyển đổi công ty CP, CT TNHH, CT hợp danh thành doanh nghiệp tư nhân. Không thuộc phạm vi của nghị định này
18	Hà Tĩnh: Vấn đề giám vốn Điều lệ: Tại khoản 4 Điều 51 hướng dẫn về thành phần hồ sơ giám vốn điều lệ, có quy định đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên giám vốn	Vậy đối với thành phần hồ sơ giám vốn của Công ty TNHH một thành viên theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 87 và thành phần hồ sơ giám vốn đối với công ty cổ phần quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5	Về thành phần thay đổi giám vốn điều lệ của mỗi loại hình doanh nghiệp nên có quy định cụ thể tại một Điều riêng trong Nghị định hướng dẫn.	Luật DN quy định trường hợp giám vốn điều lệ CT TNHH hai thành viên quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật này, hồ sơ đăng ký giám

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	điều lệ theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật doanh nghiệp thì hồ sơ giảm vốn phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.	Điều 112 luật doanh nghiệp có yêu cầu hồ sơ giảm vốn phải kèm báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn? Tại sao chỉ yêu cầu thành phần báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật doanh nghiệp		vốn phải kèm theo báo cáo tài chính. Luật DN không quy định thành phần hồ sơ đối với giảm vốn điều lệ của CT TNHH MTV và CTCP
19	Hà Tĩnh: Nội dung giảm vốn điều dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tăng lên	<i>Trường hợp giảm vốn điều lệ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tăng lên thì trong hồ sơ cần có những thành phần nào? nên có hướng dẫn cụ thể. Trường hợp giảm vốn điều lệ mà yêu cầu thành phần: “ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư 2020” thì không phù hợp vì trong trường hợp này nhà đầu tư nước ngoài không thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.</i> Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản 3190/BKHĐT-ĐKKD ngày	Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về thành phần hồ sơ đối với trường hợp giảm vốn điều lệ làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài , vì tại Luật đầu tư cũng không có quy định đối với trường hợp giảm vốn điều lệ làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải làm thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, điều này gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn và giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.	Các phương thức góp vốn, mua cổ phần, các trường hợp phải thực hiện thủ tục GV, MCP quy định tại Luật ĐT

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		<p>15/5/2020 hướng dẫn là: "...Việc cổ đông là nhà đầu tư không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp phải đăng ký giảm vốn điều lệ không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư".</p> <p>Tuy nhiên nội dung này vẫn còn nhiều tranh cãi, chưa thống nhất.</p>		
23	<p>Đà Nẵng: Điều 45 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP</p>		<p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định đối với Hợp đồng tặng cho phần vốn góp phải công chứng, chứng thực hay không?</p>	<p>Theo pháp luật chuyên ngành</p>
24	<p>Đà Nẵng: Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP</p>	<p>Hiện tại chưa có quy định trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện thì phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện, trong khi đó hồ sơ thành lập mới chi nhánh và văn phòng đại diện thì phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện trong trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện.</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã quy định tại K2 Điều 62 Dự thảo NĐ</p>

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện		
25	Đà Nẵng: Bổ sung trình tự thu hồi Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận Đầu tư đồng thời là Giấy CNĐKCN (chưa thực hiện thủ tục cấp đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Giấy chứng nhận đầu tư)	Sở KH&ĐT nhận văn bản của các cơ quan thuế đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và chưa thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, không có dữ liệu của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia để thực hiện như khoản 7 Điều 63.	Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp này.	Tiếp thu
29	Khánh Hoà: Việc yêu cầu doanh nghiệp nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Việc không nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khi giao dịch với các tổ chức, cá nhân hoặc làm việc với cơ quan nhà nước; một số doanh nghiệp lấy bản cũ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã hết hiệu lực; gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước; một số trường hợp lừa đảo, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác.	Đề xuất yêu cầu doanh nghiệp nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Nguyên tắc thông tin trong CSDL quốc gia có giá trị pháp lý là thông tin gốc
30	An Giang:	- Trong dự thảo ghi:	Quy định rõ các loại giấy tờ như:	Các giấy tờ không ghi

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Loại giấy tờ nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết, Quyết định + Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp. + Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp nhưng không quy định rõ là bản sao, bản chụp, bản sao y..... 	Quyết định/ Nghị quyết, hợp đồng chuyển nhượng..... là bản sao	bản sao có nghĩa là nộp bản gốc
31	Long An: Thời hạn Doanh nghiệp nộp hồ sơ giấy để nhận kết quả	Nên quy định trong Nghị định rõ thời hạn doanh nghiệp nộp hồ sơ giấy	Nên quy định trong nghị Khoản 6 Điều 43 như sau: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đã hợp lệ mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	Theo quy định tại Điều 26 Luật DN thì ĐKDN qua mạng thông tin điện tử (kể cả TKĐKKD) không phải nộp hồ sơ giấy



BẢNG 3: TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TỔ CHỨC KHÁC ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

A. Ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
Điều 4	VCCI: Khoản 5: doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp còn có các tài liệu khác như văn bản ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Đề nghị sửa đổi quy định trên theo hướng doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trên các tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.	Khoản 3 Điều 43 Luật DN quy định doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối với các giấy tờ trong hồ sơ ĐKDN mà pháp luật chuyên ngành quy định phải đóng dấu thì doanh nghiệp phải tuân thủ.
Điều 7	VCCI: - Quy định về ghi ngành, nghề kinh doanh	- Đây là quy định không mới, được kế thừa từ văn bản pháp luật hiện hành. Trong quá trình xây dựng Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Nghị định 108/2018/NĐ-CP, VCCI đã nhiều lần phản ánh về những bất cập của quy định này nhưng chưa được ghi nhận. Dù doanh nghiệp đăng ký ngành nghề nào có hay không trong có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, miễn là không phải là ngành nghề cấm kinh	- Kiến nghị xác định <u>chủ thể phải thực hiện việc ghi mã ngành này là cơ quan quản lý nhà nước thay vì yêu cầu doanh nghiệp.</u>	- Giải trình DN phải ghi mã ngành, nghề nhằm: + Đảm bảo quyền tự chủ, tự do kinh doanh của doanh nghiệp + Việc xác định ngành, nghề kinh doanh thuộc mã nào cần được xem xét trên 3 yếu tố: (1) Đầu vào; (2) Đầu ra; (3) Quy trình sản xuất, kinh

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>- Khoản 5: đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới</p>	<p>doanh, thì doanh nghiệp cũng sẽ được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, do đó việc xác định mã ngành nghề nào tại thời điểm đăng ký kinh doanh là ít ý nghĩa – nếu xét ở góc độ của doanh nghiệp.</p> <p>- Quy định này là chưa rõ về điểm, trong trường hợp này cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ ghi ngành nghề vào cơ sở dữ liệu trước rồi doanh nghiệp mới được đăng ký kinh doanh hay là cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành nghề mới này rồi mới ghi nhận vào cơ sở dữ liệu?</p>	<p>- Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 7 theo hướng, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ đăng ký kinh doanh theo ngành, nghề doanh nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.</p>	<p>doanh. Bản thân doanh nghiệp mới xác định được + Cơ quan ĐKKD vẫn có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp + Theo thông lệ quốc tế: Singapore, Hong Kong, Úc, Newzealand</p> <p>- Quy định tại dự thảo được hiểu là cơ quan ĐKKD vẫn ghi nhận ngành, nghề cho doanh nghiệp (ghi freetex, ko ghép mã) =>Cân nhắc tiếp thu , sửa đổi cho rõ ý hơn.</p>
Điều 10	<p>VCCI: Khoản 2 Điều 10 Dự thảo quy định “trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài</p>	<p>Quy định này được hiểu, các giấy tờ pháp lý của cá nhân như hộ chiếu bằng tiếng nước ngoài cũng phải dịch ra tiếng Việt công chứng. Hộ chiếu là loại tài</p>	<p>Đề nghị sửa đổi quy định trên theo hướng trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu</p>	<p>Không tiếp thu, quy định này đang thực hiện ổn định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài”.	liệu có các thông tin trên đó cơ quan nhà nước có thể xem xét mà không cần phải dịch sang tiếng Việt. Trên thực tế, ở nhiều thủ tục hành chính, các cơ quan Nhà nước vẫn xem xét hộ chiếu nước ngoài mà không cần yêu cầu dịch ra tiếng Việt. Trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp, một số cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu phải có bản dịch tiếng Việt hộ chiếu, một số cơ quan đăng ký kinh doanh lại không yêu cầu.	bằng tiếng nước ngoài trừ hộ chiếu nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.	
Điều 12	VCCI: Điểm b khoản 1 quy định trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân, trường hợp ủy quyền cho tổ chức thì phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	Theo quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự 2015 thì cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Như vậy, tổ chức cũng có thể nhận ủy quyền của tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức, trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chỉ cần nộp văn bản ủy quyền mà không cần thiết phải nộp bản sao hợp đồng dịch vụ.	Đề nghị điều chỉnh theo hướng trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì cung cấp văn bản ủy quyền thay vì hợp đồng cung cấp dịch vụ.	Cần nhắc
Điều 16	VCCI: Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện: - K6: Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo			

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	<p>tình hình kinh doanh khi cần thiết</p> <p>- K7: Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh</p>	<p>- Đây là quy định chưa rõ ràng về các trường hợp hộ kinh doanh phải báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Điều này có thể tạo ra sự tùy nghi của cơ quan thực thi và tạo gánh nặng về thủ tục cho các chủ thể kinh doanh.</p> <p>- Quy định này nhiều khả năng chồng lấn về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý chuyên ngành. Bởi vì, theo quy định của pháp luật chuyên ngành, các cơ quan cấp phép hoặc quản lý về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện sẽ có thẩm quyền trong việc yêu cầu các chủ thể kinh doanh trong đó có hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nếu không đáp ứng được điều kiện. Đồng thời pháp luật chuyên ngành cũng có các quy định để đảm bảo việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn này của các cơ quan quản lý.</p>	<p>- Đề nghị quy định rõ các trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có quyền yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo tình hình kinh doanh.</p> <p>- Đề nghị xem xét bỏ quy định tại khoản 7 Điều 16</p>	<p>- Tiếp thu để sửa theo hướng: “báo cáo việc tuân thủ quy định tại Nghị định này”</p> <p>- Không tiếp thu: Cơ quan đkkd là một cơ quan quản lý nhà nước về đk hộ kinh doanh, phối hợp với cơ quan chuyên ngành để thực hiện kiểm tra hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập. Hộ kinh doanh đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện với cơ quan đăng ký kinh doanh, do đó, trường hợp phát hiện ra hộ kinh doanh không đáp ứng điều kiện kinh doanh, cơ quan đkkd có quyền yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng để thực hiện chức năng quản lý</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
				nhà nước đối với hộ kinh doanh.
Điều 18	VCCI: Khoản 2: Phòng Đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng	Việc cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận hay từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp được xem là hành vi hành chính và có thể bị khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Quy định “quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng” có thể đưa đến cách hiểu, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không có quyền được khiếu nại hoặc khởi kiện đối với việc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh và điều này là chưa phù hợp với quy định về pháp luật hành chính.	Đề nghị xem xét bỏ cụm từ “quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng”.	Quy định này áp dụng hiệu quả trong việc xác định, giải quyết các trường hợp tên doanh nghiệp gây nhầm lẫn, vi phạm truyền thống lịch sử, thuần phong mỹ tục. Doanh nghiệp có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.
Điều 19	VCCI: Khoản 6 - Xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp: trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, sẽ yêu cầu doanh nghiệp vi phạm báo cáo giải trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.	Trường hợp doanh nghiệp có thực hiện báo cáo và có giải trình, theo quy định trên cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không có căn cứ để thực hiện các bước tiếp theo và cũng không thể thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Đề nghị bổ sung quy định để giải quyết cho trường hợp trên.	Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, giải trình. Nếu không báo cáo hoặc giải trình không được chấp thuận thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy trình tại khoản 4 Điều 74 Dự thảo Nghị

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Nếu doanh nghiệp không báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp.			định
Điều 26	VCCI: Khoản 5: “doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”.	Trên thực tế, theo phản ánh của doanh nghiệp, nhiều trường hợp không thể làm đồng thời mà phải tách thành hai hồ sơ, một cho chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và một cho thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	Đề nghị quy định chi tiết hơn về việc thực hiện đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo thuận lợi khi triển khai thực hiện.	Trường hợp thay đổi nhiều nội dung, trừ người đại diện theo pháp luật thì doanh nghiệp có thể gộp trong một bộ hồ sơ do người đại diện theo PL ký. Trường hợp thay đổi nhiều nội dung, trong đó có thay đổi người đại diện theo PL thì không khuyến khích làm đồng thời để đảm bảo thẩm quyền ký
VCCI: Các giấy tờ liên quan đến chứng minh việc góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, chuyển nhượng cổ phần (Điều 26, Điều 52, Điều 53)		Về nguyên tắc “hoàn tất việc chuyển nhượng” phải được hiểu là thời điểm cổ đông/thành viên nhận chuyển nhượng được ghi nhận quyền sở hữu của mình trên sổ đăng ký cổ đông/sổ đăng ký thành viên của doanh nghiệp đối với số cổ phần/phần vốn nhận chuyển nhượng. Việc thanh toán giá chuyển nhượng	Đề nghị quy định rõ khái niệm như thế nào được cho là “hoàn tất việc chuyển nhượng”	Hoàn tất việc chuyển nhượng theo pháp luật về dân sự. Mỗi tài sản chuyển nhượng khác nhau, hoàn tất chuyển nhượng khác nhau: Tiền, tài sản có đăng ký

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
		giữa các bên trên thực tế là điều khoản thương mại theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không phụ thuộc vào thủ tục thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Do vậy, việc cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp nộp biên bản thanh lý hợp đồng hoặc ủy nhiệm chi của ngân hàng về việc đã thanh toán toàn bộ giá chuyển nhượng như là một bằng chứng về việc “hoàn tất việc chuyển nhượng” là chưa phù hợp với thực tế và khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện việc chuyển nhượng vốn, đặc biệt là đối với các giao dịch có giá chuyển nhượng lớn.		
Điều 33	VCCI: Khoản 1 Điều 33 không quy định rõ là doanh nghiệp có thể lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử hay chỉ được nộp qua mạng thông tin điện tử theo Chương V.	Theo phản ánh của một số doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh ở một số địa phương buộc doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, sau đó mới nộp hồ sơ giấy trực tiếp (từ chối nhận tiếp nhận hồ sơ đăng ký nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh khi chưa nộp qua mạng).	Đề nghị bổ sung quy định tại Điều 33 Dự thảo về các phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: trực tiếp, thông qua mạng thông tin điện tử, qua đường bưu chính.	Điều 26 Luật DN đã có quy định về phương thức đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền lựa chọn một trong ba phương thức theo quy định
Điều 34	VCCI: Khoản 1 Điều 34 quy định thời hạn cấp	Khoản 5 Điều 26 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định, “trong thời hạn 03 ngày	Đề nghị xem xét lại vấn đề này để đảm bảo tính	Không mâu thuẫn với Luật DN

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 03 ngày làm việc tính từ ngày hồ sơ hợp lệ.	<p>làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp đăng ký doanh nghiệp; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp”.</p> <p>Tại k1 Điều 34: hời gian xem xét tính hợp lệ là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Như vậy thời hạn xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 06 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, chưa phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p>	thống nhất.	<p>Thời hạn cấp ĐKDN là 3 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ được hiểu là trong thời hạn này, Phòng ĐKKD phải trả kết quả chấp thuận hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định mới bắt đầu tính thời gian.</p> <p>Do vậy, thời hạn trả kết quả là 3 ngày làm việc chứ không phải 6 ngày làm việc.</p>
Điều 67	<p>VCCI:</p> <p>Khoản 1 - Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều</p>	<p>Quy định trên chưa giải quyết cho trường hợp nếu doanh nghiệp không báo cáo theo yêu cầu thì như thế nào? Nếu có báo cáo thì hành động tiếp theo của Phòng Đăng ký kinh doanh là gì?</p>	Đề nghị làm rõ	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, giải trình. Nếu không báo cáo hoặc giải trình không được chấp thuận thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận</p>

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	216 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.			đăng ký doanh nghiệp theo quy trình tại khoản 4 Điều 74 Dự thảo Nghị định
Điều 68	VCCI: Khoản 3, 4: trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời có các biện pháp xử lý tương ứng đối với việc thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.	Quy định này chưa minh bạch ở điểm, việc kết luận được các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh là “không trung thực, không chính xác” không phải dễ dàng. Đặc biệt khi cơ quan đăng ký kinh doanh không thẩm định và/hoặc xác minh về tính chính xác, trung thực các thông tin kê khai trong hồ sơ thì kết luận như thế nào? Hình thức kết luận này và những hệ quả pháp lý sau đó là gì? Sự thiếu minh bạch này có thể khiến nguyên tắc áp dụng giải quyết về đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 4 Dự thảo chưa nhất quán và triệt để.	Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 3, 4 theo hướng <u>trường hợp có căn cứ</u> thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện các hoạt động như quy định tại các khoản này.	Phòng ĐKKD phải chịu trách nhiệm khi xác định thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác
Điều 68, 74, 76	VCCI: Khoản 3 Điều 68: Doanh nghiệp phải	Quy định này là chưa rõ về nội dung và căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm	Đề nghị quy định rõ về vấn đề này để hạn chế về	Dự thảo Nghị định đã quy định việc Phòng

STT - Điều	Quy định tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Bộ KH&ĐT
	báo cáo cho Phòng Đăng ký kinh doanh trong trường hợp doanh nghiệp không hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ khi thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới là không trung thực. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thuận thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Góp ý tương tự đối với quy định tại khoản 3 Điều 74, khoản 3 Điều 76 Dự thảo	quyền xem xét nội dung báo cáo của doanh nghiệp. Điều này có thể tạo ra sự tùy nghi cho các đối tượng thực hiện và làm suy giảm hiệu lực của quy định.	tình trạng trên.	ĐKKD có thể phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xem xét giải trình của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trong việc xác định giải trình của doanh nghiệp

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Cục QLĐKKD
1	Các trường hợp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp: Điểm e khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp quy định “Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh”.	Quy định này là chưa rõ các trường hợp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp	Đề nghị bổ sung quy định về các trường hợp này để đảm bảo tính minh bạch trong quy định.	Không tiếp thu, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến
2	Xử lý trường hợp doanh nghiệp có trụ sở tại chung cư: Khoản 11 Điều 6 Luật Nhà ở năm 2014	Theo quy định tại pháp luật về nhà ở, doanh nghiệp không được đặt trụ sở tại căn hộ chung cư. Một vấn đề đặt ra là,	Đề nghị xem xét đến vấn đề trên để đảm bảo tính thống nhất và tránh lỗ hổng pháp	Luật DN đã có quy định về việc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo việc

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của Cục QLĐKKD
	<p>quy định cấm “sử dụng căn hộ chung cư vào mục đích không phải để ở”. Khoản 7 Điều 80 Nghị định 99/2015/NĐ-CP quy định chuyển tiếp cho các trường hợp doanh nghiệp có trụ sở tại chung cư: “Trường hợp trong giấy tờ đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi sử dụng căn hộ chung cư làm địa điểm kinh doanh trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy tờ đăng ký kinh doanh này phải chuyển hoạt động kinh doanh sang địa điểm khác không phải là căn hộ chung cư trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (10/12/2015); cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ đăng ký kinh doanh phải làm thủ tục điều chỉnh lại địa điểm kinh doanh ghi trong giấy tờ đăng ký kinh doanh đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sang địa điểm khác trong thời hạn quy định tại Khoản này; quá thời hạn quy định tại Khoản này thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không được kinh doanh tại căn hộ chung cư”.</p>	<p>khi cơ quan quản lý về nhà ở phát hiện doanh nghiệp đặt trụ sở tại căn hộ chung cư của chung cư chỉ để ở, thì việc phối hợp giữa cơ quan quản lý chuyên ngành với cơ quan đăng ký kinh doanh để buộc doanh nghiệp phải thay đổi trụ sở đăng ký kinh doanh là chưa có quy định.</p>	<p>lý khi thực thi các quy định có liên quan được nêu ở trên.</p>	<p>tuân thủ các quy định của Luật này.</p>

Me a. Huân^h → P.M. → neu' Hk (15/10) ĐKKD

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6086/UBCK-QLKD

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2397
Ngày 15 tháng 10 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN
Số: 42114
Ngày: 13.10.2020
Chuyên:
Số/2020 của Quý Bộ
Uy ban Chứng khoán

Phức đáp công văn số 6531/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Quý Bộ về việc góp ý dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến như sau:

I. Ý kiến chung

Về cơ sở pháp lý: Điều 71, Điều 81, Điều 100, Điều 114 Luật Chứng khoán năm 2019 giao Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán không hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp đối với các đối tượng nêu trên. Vì vậy, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho rằng việc quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp đối với các đối tượng nêu trên là cần thiết và có căn cứ pháp lý.

Về đối tượng điều chỉnh: Khi Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Nghị định này có hiệu lực thi hành vào 01/01/2021, có 82 công ty chứng khoán và 45 công ty quản lý quỹ (chưa có công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được thành lập đến thời điểm hiện nay) hiện đã được thành lập chịu sự điều chỉnh quy phạm về đăng ký doanh nghiệp bởi các văn bản trên. Trong đó, có một số công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thành lập trước năm 2007 (thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành) đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005.

II. Ý kiến cụ thể

1. Về đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán tại Điều 31 dự thảo Nghị định:

a) Đề nghị bổ sung đối tượng “công ty đầu tư chứng khoán” vào tên Điều 31 dự thảo.

Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở của công ty, chi nhánh. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.”

2. Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán tại khoản 4 Điều 31 và khoản 6 Điều 74 dự thảo, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

Khoản 4 Điều 31:

“4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 74 Nghị định này sau khi có thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán bị thu hồi giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 74 Nghị định này.”

Khoản 6 Điều 74:

“6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông báo đã thu hồi giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật chuyên ngành, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.”

Lý do: Theo khoản 4 Điều 95 Luật Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi đã thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kính gửi Quý Cơ quan tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch (để b/c);
- Lưu: VT, QLKD, QLQ (05 b).



Phạm Hồng Sơn

Số: 1873 /PTM-PC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

Vv: góp ý Dự thảo Nghị định quy định
về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 6531/BKHĐT-ĐKKD của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định quy định về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trên cơ sở ý kiến của các doanh nghiệp, hiệp hội có một số ý kiến ban đầu như sau:

Trong thời gian qua, các thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp luôn có những bước cải cách mạnh mẽ, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao về mức độ thuận lợi và thúc đẩy trong hoạt động khởi sự kinh doanh.

Về cơ bản, các quy định hiện hành về đăng ký doanh nghiệp được kế thừa trong Dự thảo là cụ thể, rõ ràng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tuy nhiên để hoàn thiện, đảm bảo trình tự, thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh thực sự phù hợp với thực tiễn, tạo thuận lợi tối đa cho các chủ thể bắt đầu và/hoặc trong quá trình kinh doanh, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, xem xét một số quy định sau:

1. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp (Điều 4)

- Về tính chịu trách nhiệm của các chủ thể thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 4 Dự thảo thì người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp. Quy định này được hiểu, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không thẩm định để xác định “tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh”. Nguyên tắc này sẽ góp phần thúc đẩy thủ tục hành chính được thực hiện nhanh chóng.

Tuy nhiên, nguyên tắc này lại chưa được thể hiện một cách nhất quán trong một số quy định tại Dự thảo, cụ thể:

Khoản 3, 4 Điều 68 Dự thảo quy định trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời có các biện pháp xử lý tương ứng đối với việc thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Quy định này chưa minh bạch ở điểm, việc kết luận được các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh là “không trung thực, không chính xác” không phải dễ dàng. Đặc biệt khi cơ quan đăng ký kinh doanh không thẩm định và/hoặc xác minh về tính chính xác, trung thực các thông tin kê khai trong hồ sơ thì kết luận như thế nào? Hình thức kết luận này và những hệ quả pháp lý sau đó là gì? Sự thiếu minh bạch này có thể khiến nguyên tắc áp dụng giải quyết về đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 4 Dự thảo chưa nhất quán và triệt để.

Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất trong quy định, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định tại khoản 3, 4 theo hướng trường hợp có căn cứ thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện các hoạt động như quy định tại các khoản này.

- *Về việc sử dụng con dấu*

Khoản 5 Điều 4 Dự thảo quy định “doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”. Quy định này là một trong những bước tiến tạo thuận lợi về hồ sơ cho doanh nghiệp. Tuy nhiên trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp còn có các tài liệu khác như văn bản ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (Điều 12 Dự thảo).

Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định trên theo hướng doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trên các tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Ghi ngành, nghề kinh doanh (Điều 7)

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Dự thảo thì khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành nghề kinh tế cấp bốn và xác định mã ngành nghề trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đây là quy định không mới, được kế thừa từ văn bản pháp luật hiện hành. Trong quá trình xây dựng Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Nghị định 108/2018/NĐ-CP, VCCI đã nhiều lần phản ánh về những bất cập của quy định này nhưng chưa được ghi nhận.

VCCI không kiến nghị bỏ việc ghi mã ngành cấp bốn khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thay đổi, bổ sung ngành nghề, bởi vì việc xác định ngành nghề trong thủ tục đăng ký kinh doanh nhằm phục vụ cho các mục tiêu quản lý nhà nước, VCCI kiến nghị xác định chủ thể phải thực hiện việc ghi mã ngành này là cơ quan quản lý nhà nước thay vì yêu cầu doanh nghiệp. Bởi vì, cơ quan nhà nước có thể dựa vào các ngành nghề mà doanh nghiệp đăng ký để xác định các nhóm, phân nhóm phù hợp để phục vụ cho mục tiêu thống kê hoặc các mục tiêu quản lý khác. Dù doanh nghiệp đăng ký ngành nghề nào có hay không trong có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, miễn là không phải là ngành nghề cấm kinh doanh, thì doanh nghiệp cũng sẽ được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, do đó việc xác định mã ngành nghề nào tại thời điểm đăng ký kinh doanh là ít ý nghĩa – nếu xét ở góc độ của doanh nghiệp.

Nếu Ban soạn thảo tiếp tục chưa ghi nhận kiến nghị này thì trong Điều 7 Dự thảo cần phải xác định rõ ràng trong quy định để hạn chế đến mức thấp nhất rào cản có thể có đến từ công tác thực thi khi thực hiện đăng ký kinh doanh. Cụ thể:

Khoản 5 Điều 7 Dự thảo quy định “đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới”.

Quy định này là chưa rõ về điểm, trong trường hợp này cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ ghi ngành nghề vào cơ sở dữ liệu trước rồi doanh nghiệp mới được đăng ký kinh doanh hay là cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành nghề mới này rồi mới ghi nhận vào cơ sở dữ liệu?

Để đảm bảo tính minh bạch và quyền tự do kinh doanh, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 7 theo hướng, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ đăng ký kinh doanh theo ngành, nghề doanh nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Điều 16)

Theo quy định tại Điều 16 Dự thảo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn:

- *Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo tình hình kinh doanh khi cần thiết (khoản 6).*

Đây là quy định chưa rõ ràng về các trường hợp hộ kinh doanh phải báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Điều này có thể tạo ra sự tùy nghi của

cơ quan thực thi và tạo gánh nặng về thủ tục cho các chủ thể kinh doanh. Để hạn chế tình trạng này, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ các trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có quyền yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo tình hình kinh doanh.

- *Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh (khoản 7)*

Quy định này nhiều khả năng chồng lấn về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý chuyên ngành. Bởi vì, theo quy định của pháp luật chuyên ngành, các cơ quan cấp phép hoặc quản lý về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện sẽ có thẩm quyền trong việc yêu cầu các chủ thể kinh doanh trong đó có hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nếu không đáp ứng được điều kiện. Đồng thời pháp luật chuyên ngành cũng có các quy định để đảm bảo việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn này của các cơ quan quản lý.

Để đảm bảo tính thống nhất, đề nghị Ban soạn thảo xem xét bỏ quy định tại khoản 7 Điều 16 Dự thảo.

4. Đăng ký tên doanh nghiệp (Điều 18)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Dự thảo thì “Phòng Đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng”. Quy định này cần được xem xét ở điểm sau:

Việc cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận hay từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp được xem là hành vi hành chính và có thể bị khởi kiện theo quy định của pháp luật về tổ tụng hành chính. Quy định “quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng” có thể đưa đến cách hiểu, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không có quyền được khiếu nại hoặc khởi kiện đối với việc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh và điều này là chưa phù hợp với quy định về pháp luật hành chính.

Vi vậy, đề nghị Ban soạn thảo xem xét bỏ cụm từ “quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng”.

5. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (Điều 26)

Khoản 5 Điều 26 Dự thảo quy định “doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”.

Trên thực tế, theo phản ánh của doanh nghiệp, nhiều trường hợp không thể làm đồng thời mà phải tách thành hai hồ sơ, một cho chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và một cho thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Ví dụ, trong một số trường hợp chuyển đổi loại hình phát sinh do thay đổi chủ sở hữu, thành viên, cổ đông kèm theo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp không biết ai có thẩm quyền ký kết hồ sơ.

Ví dụ, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên chuyển nhượng toàn bộ vốn cho hai tổ chức/cá nhân khác (chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên) và hai thành viên mới muốn thay đổi ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật), doanh nghiệp không biết ai có thẩm quyền ký. Chủ sở hữu không đồng ký quyết định cho nội dung thay đổi đăng ký doanh nghiệp vì cho rằng mình không có thẩm quyền quyết định, còn thành viên mới thì không có quyền ký vì chưa được công nhận là thành viên công ty, ai có quyền ký giấy đề nghị, điều lệ công ty ...

Đề nghị Ban soạn thảo quy định chi tiết hơn về việc thực hiện đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo thuận lợi khi triển khai thực hiện.

6. Các giấy tờ liên quan đến chứng minh việc góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, chuyển nhượng cổ phần

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 53 Dự thảo thì khi đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, doanh nghiệp phải cung cấp “hợp đồng chuyển nhượng vốn góp các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp”. Quy định này cũng tương tự tại các Điều: 26, 52, khoản 4 và khoản 5 Điều 53 Dự thảo.

Theo phản ánh của doanh nghiệp, trên thực tế doanh nghiệp bị yêu cầu phải nộp đồng thời cả hợp đồng chuyển nhượng và giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng, trong đó cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp nộp biên bản thanh lý hợp đồng hoặc ủy nhiệm chi của ngân hàng về việc đã thanh toán toàn bộ giá chuyển nhượng như là một bằng chứng về việc “hoàn tất việc chuyển nhượng”.

Về nguyên tắc “hoàn tất việc chuyển nhượng” phải được hiểu là thời điểm cổ đông/thành viên nhận chuyển nhượng được ghi nhận quyền sở hữu của mình trên sổ đăng ký cổ đông/sổ đăng ký thành viên của doanh nghiệp đối với số cổ phần/phần vốn nhận chuyển nhượng. Việc thanh toán giá chuyển nhượng giữa các bên trên thực tế là điều khoản thương mại theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không phụ thuộc vào thủ tục thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

Do vậy, việc cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp nộp biên bản thanh lý hợp đồng hoặc ủy nhiệm chi của ngân hàng về việc đã thanh toán toàn bộ giá chuyển nhượng như là một bằng chứng về việc “hoàn tất việc chuyển nhượng” là chưa phù hợp với thực tế và khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện việc chuyển nhượng vốn, đặc biệt là đối với các giao dịch có giá chuyển nhượng lớn.

Để đảm bảo thuận lợi khi triển khai và tạo cách hiểu thống nhất, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ khái niệm như thế nào được cho là “hoàn tất việc chuyển nhượng”

7. Một số thủ tục hành chính chưa đảm bảo tính minh bạch

Dự thảo có một số quy định liên quan đến trách nhiệm báo cáo mà doanh nghiệp phải thực hiện, tuy nhiên thủ tục này lại chưa thực sự rõ ràng, cụ thể, vì vậy sẽ gây khó khăn trên thực tế áp dụng. Cụ thể:

- *Xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*

Theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Dự thảo thì trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, sẽ yêu cầu doanh nghiệp vi phạm báo cáo giải trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp có thực hiện báo cáo và có giải trình, theo quy định trên cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không có căn cứ để thực hiện các bước tiếp theo và cũng không thể thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Để tạo thuận lợi trong thực tế triển khai, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định để giải quyết cho trường hợp trên.

- *Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 67)*

Khoản 1 Điều 67 Dự thảo quy định Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

Quy định trên chưa giải quyết cho trường hợp nếu doanh nghiệp không báo cáo theo yêu cầu thì như thế nào? Nếu có báo cáo thì hành động tiếp theo của Phòng Đăng ký kinh doanh là gì?

Để đảm bảo tính minh bạch, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ vấn đề trên.

- Xử lý trong trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới là không trung thực, không chính xác

Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Dự thảo thì doanh nghiệp phải báo cáo cho Phòng Đăng ký kinh doanh trong trường hợp doanh nghiệp không hoàn chỉnh và nộp lại hồ sơ khi thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới là không trung thực. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Quy định này là chưa rõ về nội dung và căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét nội dung báo cáo của doanh nghiệp. Điều này có thể tạo ra sự tùy nghi cho các đối tượng thực hiện và làm suy giảm hiệu lực của quy định. Đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ về vấn đề này để hạn chế về tình trạng trên.

Góp ý tương tự đối với quy định tại khoản 3 Điều 74, khoản 3 Điều 76 Dự thảo

8. Một số góp ý khác

- *Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Điều 10)*

Khoản 2 Điều 10 Dự thảo quy định “trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài”. Quy định này được hiểu, các giấy tờ pháp lý của cá nhân như hộ chiếu bằng tiếng nước ngoài cũng phải dịch ra tiếng Việt công chứng. Hộ chiếu là loại tài liệu có các thông tin trên đó cơ quan nhà nước có thể xem xét mà không cần phải dịch sang tiếng Việt. Trên thực tế, ở nhiều thủ tục hành chính, các cơ quan Nhà nước vẫn xem xét hộ chiếu nước ngoài mà không cần yêu cầu dịch ra tiếng Việt. Trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp, một số cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu phải có bản dịch tiếng Việt hộ chiếu, một số cơ quan đăng ký kinh doanh lại không yêu cầu.

Để đảm bảo tạo tinh giản thủ tục hành chính, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định trên theo hướng trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài trừ hộ chiếu nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

- *Ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp*

Điểm b khoản 1 Điều 12 Dự thảo quy định trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân, trường hợp ủy quyền cho tổ chức thì phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự 2015 thì cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Như vậy, tổ chức cũng có thể nhận ủy quyền của tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức, trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chỉ cần nộp văn bản ủy quyền mà không cần thiết phải nộp bản sao hợp đồng dịch vụ.

Đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Dự thảo theo hướng trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì cung cấp văn bản ủy quyền thay vì hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- *Phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp*

Khoản 1 Điều 33 Dự thảo không quy định rõ là doanh nghiệp có thể lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử hay chỉ được nộp qua mạng thông tin điện tử theo Chương V.

Quy định hiện hành không yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp phải đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử nhưng, theo phản ánh của một số doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh ở một số địa phương buộc doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, sau đó mới nộp hồ sơ giấy trực tiếp (từ chối nhận tiếp nhận hồ sơ đăng ký nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh khi chưa nộp qua mạng).

Để đảm bảo cách hiểu thống nhất, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định tại Điều 33 Dự thảo về các phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: trực tiếp, thông qua mạng thông tin điện tử, qua đường bưu chính.

- *Thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*

Khoản 5 Điều 26 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định, “trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp đăng ký doanh nghiệp; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp”.

Theo quy định trên thời gian cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp được tính từ ngày nhận hồ sơ. Thời gian xem xét tính hợp lệ cũng nằm trong khoảng thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Dự thảo thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 03 ngày làm việc tính từ ngày hồ sơ hợp lệ chứ không phải là ngày nhận hồ sơ. Thời

gian xem xét tính hợp lệ là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Như vậy thời hạn xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 06 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, chưa phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.

Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại vấn đề này để đảm bảo tính thống nhất.

- *Các trường hợp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp*

Điều e khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp quy định “Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh”.

Quy định này là chưa rõ các trường hợp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định về các trường hợp này để đảm bảo tính minh bạch trong quy định.

- *Xử lý trường hợp doanh nghiệp có trụ sở tại chung cư*

Khoản 11 Điều 6 Luật Nhà ở năm 2014 quy định cấm “sử dụng căn hộ chung cư vào mục đích không phải để ở”. Khoản 7 Điều 80 Nghị định 99/2015/NĐ-CP quy định chuyển tiếp cho các trường hợp doanh nghiệp có trụ sở tại chung cư: “Trường hợp trong giấy tờ đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi sử dụng căn hộ chung cư làm địa điểm kinh doanh trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy tờ đăng ký kinh doanh này phải chuyển hoạt động kinh doanh sang địa điểm khác không phải là căn hộ chung cư trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (10/12/2015); cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ đăng ký kinh doanh phải làm thủ tục điều chỉnh lại địa điểm kinh doanh ghi trong giấy tờ đăng ký kinh doanh đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sang địa điểm khác trong thời hạn quy định tại Khoản này; quá thời hạn quy định tại Khoản này thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không được kinh doanh tại căn hộ chung cư”.

Như vậy, theo quy định tại pháp luật về nhà ở, doanh nghiệp không được đặt trụ sở tại căn hộ chung cư. Một vấn đề đặt ra là, khi cơ quan quản lý về nhà ở phát hiện doanh nghiệp đặt trụ sở tại căn hộ chung cư của chung cư chỉ để ở, thì việc phối hợp giữa cơ quan quản lý chuyên ngành với cơ quan đăng ký kinh doanh để buộc doanh nghiệp phải thay đổi trụ sở đăng ký kinh doanh là chưa có quy định.

Đề nghị Ban soạn thảo xem xét đến vấn đề trên để đảm bảo tính thống nhất và tránh lỗ hổng pháp lý khi thực thi các quy định có liên quan được nêu ở trên.

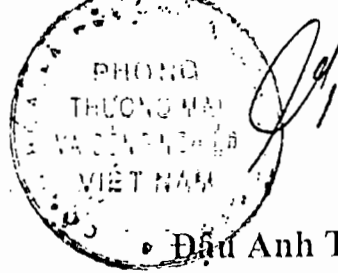
Trên đây là một số ý kiến tổng hợp ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với Dự thảo Nghị định quy định về đăng ký doanh nghiệp. Rất mong quý Cơ quan soạn thảo cân nhắc để chỉnh sửa, hoàn thiện.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp
- Ban Thường trực (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

**TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ**



Đậu Anh Tuấn



Ủy ban Quản lý và Đầu tư
tư
Email: skhdt@danang.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Đà Nẵng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2732/SKHĐT-ĐKKD
V/v góp ý Dự thảo Nghị định về
đăng ký doanh nghiệp

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu Dự thảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản thống nhất với bố cục của Dự thảo Nghị định và góp ý theo biểu mẫu đính kèm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (thay b/c);
- Lưu: VT, ĐKKD(Hàng).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Nguyễn Đình Tuấn



PHỤ LỤC

SỞ (Đính kèm công văn số 2732/SKHĐT-ĐKKD ngày 09 tháng 10 năm 2020)

I. Góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi
01	Khoản 4, Điều 51 Dự thảo Nghị định sửa đổi	<i>“Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ”</i>	Đề nghị bỏ yêu cầu nộp báo cáo tài chính. Lý do: phòng ĐKKD không có chức năng và chế tài để thẩm định báo cáo tài chính của doanh nghiệp
02	Khoản 1c Điều 54 Dự thảo Nghị định sửa đổi	Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán, tặng cho trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân có cần phải được công chứng xác thực không?	Đề nghị bổ sung rõ các hợp đồng mua bán này cần được chứng thực như đối với trường hợp cho thuê doanh nghiệp tư nhân.
03	Khoản 2, Điều 50 Dự thảo Nghị định sửa đổi	<i>“....người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.”</i>	Đề nghị quy định rõ việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên trong trường hợp Hội đồng thành viên chỉ có 02 người (01 người mất hoặc đi tù). Đề nghị bỏ cụm từ “tạm thời”.

04	Khoản b, Điều 75 của Dự thảo Nghị định sửa đổi	Hiện nay, một số doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy CNĐKDN có ý muốn khôi phục tình trạng pháp lý, tuy nhiên đã quá thời hạn 180 ngày. Do đó chỉ có thể làm thủ tục giải thể doanh nghiệp mặc dù đã khắc phục được các vi phạm về thuế.	Đề nghị bỏ quy định về thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành quyết định thu hồi. Doanh nghiệp có thể khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp và doanh nghiệp chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
05	Điều 94 Dự thảo Nghị định sửa đổi	Nghị định sửa đổi có thay thế Nghị định số 96/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp không?	Đề nghị bổ sung nội dung này do trong Dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung trước đây được quy định tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP.

II. Góp ý khác

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi
01	Điều 28 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Chưa quy định về thời hạn bổ sung hồ sơ của doanh nghiệp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Đăng ký kinh doanh kể từ thời điểm ban hành Thông báo sửa đổi bổ sung hồ sơ. Hiện nay, chỉ mới có quy định về thời hạn bổ sung hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.	Cần bổ sung thời hạn bổ sung hồ sơ như đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử. Lý do: 1. Nếu kéo dài thời gian bổ sung vô thời hạn, ảnh hưởng đến tính pháp lý về nội dung đăng ký thay đổi; 2. Gây khó khăn cho cơ quan Đăng ký kinh doanh trong việc lưu trữ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chờ sửa đổi bổ sung bằng bản giấy.

02	Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Chưa quy định trường hợp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật có nộp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác thì Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác do người đại diện theo pháp luật cũ hay mới ký tên.	Đề nghị bổ sung quy định rõ trong trường hợp này
03	Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Chưa có quy định hướng dẫn về việc thay đổi vốn do thành viên/ cổ đông không góp đủ vốn cam kết hoặc hoàn toàn không góp vốn.	Bổ sung hướng dẫn cụ thể về thành phần hồ sơ trong trường hợp này. Trường hợp không góp vốn thì có thể tiến hành cuộc họp HĐQT hay ĐHĐCĐ được không?
04	Điều 45 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP		đề nghị bổ sung nội dung quy định đối với Hợp đồng tặng cho phần vốn góp phải công chứng, chứng thực hay không?
05	Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Hiện tại chưa có quy định trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện thì phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện, trong khi đó hồ sơ thành lập mới chi nhánh và văn phòng đại diện thì phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện	Đề nghị bổ sung quy định phải nộp bản sao hợp lệ Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện trong trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện.

06	<p>Bổ sung trình tự thu hồi Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận Đầu tư đồng thời là Giấy CNĐKCN (chưa thực hiện thủ tục cấp đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Giấy chứng nhận đầu tư)</p>	<p>Sở KH&ĐT nhận văn bản của các cơ quan thuế đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và chưa thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, không có dữ liệu của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia để thực hiện như khoản 7 Điều 63.</p>	<p>Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp này.</p>
----	---	--	---

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số : 1255/SKHĐT-ĐKKD

V/v góp ý đối với Dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam nhận được Văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam tham góp ý vào dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo theo Phụ lục gửi kèm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam xin trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thời gian ký: 09/10/2020 16:25:28



Lê Nguyên Ngọc

Phụ lục

Tổng hợp ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

A. Ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp:

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 2 Điều 32	Quy định này gây khó khăn cho phòng ĐKKD trong việc nắm bắt thông tin.	Đề xuất yêu cầu doanh nghiệp gửi kèm bản sao giấy tờ pháp lý của người đứng đầu địa điểm kinh doanh.
2	Điều 45	Theo Điều 45 thì đối với hồ sơ qua mạng nộp bằng tài khoản đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp sẽ không cần nộp hồ sơ giấy để đối chiếu như hiện nay. Tuy nhiên, việc cấp tài khoản đăng ký kinh doanh hiện nay đang được quản lý khá lỏng lẻo. Cá nhân nếu vô tình đánh mất chứng minh thư thì có thể bị người khác dùng chứng minh thư để thành lập hoặc thay đổi, tạm ngừng doanh nghiệp... Ngoài ra, cá nhân có thể cùng một lúc sử dụng cả chứng minh nhân dân và căn cước công dân để giao dịch (<i>trường hợp này trong thực tế xảy ra khá nhiều vì khi đi làm căn cước công dân, nếu kê khai là bị mất chứng minh nhân dân thì sẽ không bị thu lại chứng minh nhân dân</i>) như vậy, thì cá nhân đó có thể đăng ký cùng một lúc 2 tài khoản đăng ký kinh doanh.	Đề xuất vẫn yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ bản giấy trong trường hợp nộp hồ sơ bằng tài khoản đăng ký kinh doanh.

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung

Chức a. Huân → P. M → Mã số (19/10)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3363/SKHĐT-ĐKKD

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 10 năm 2020

V/v tổng hợp ý kiến đối với dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2448.....

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổng hợp bằng ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (Gửi kèm Phụ lục).

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Việt Trung

Phụ lục

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Gửi kèm Công văn số: /SKHĐT-ĐKKD ngày tháng 10 năm 2020)

A. Ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 5 Điều 26: “Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.”	Trong trường hợp Doanh nghiệp thực hiện đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm thay đổi người đại diện theo pháp luật), thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì thẩm quyền ký vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) chưa được quy định cụ thể.	Đề nghị sửa đổi nội dung Khoản 5 Điều 26 tại Dự thảo như sau: “6. <i>Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác, trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật.</i> ” (trương tự nội dung tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) hoặc bổ sung nội dung quy định cụ thể về thẩm quyền ký trong trường hợp này.
2	Khoản 1 Điều 43: “Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định của Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.” Khoản 3 Điều 45: “Phòng Đăng ký kinh doanh cấp đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ	- Đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Thừa Thiên Huế nhận thấy nhiều trường hợp Doanh nghiệp đã thực hiện cắt dán chữ ký hoặc sử dụng chữ ký scan của người có thẩm quyền ký trên các văn điện tử (đối với định dạng .pdf hoặc định dạng ảnh). - Đối với văn bản điện tử, cán bộ xử lý khó phân biệt nội dung được ký trực tiếp hoặc chữ ký scan. Trong những trường hợp như vậy, phòng Đăng ký kinh doanh nhận thấy hồ sơ đăng	Đề nghị chỉnh sửa nội dung Khoản 1 Điều 43 như sau: “3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử bằng chữ ký số công cộng có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.” Đề nghị chỉnh sửa nội dung Điều 45 theo hướng trươg tự nội dung được quy định tại Điều 38 Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

	chưa đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.”.	ký bằng tài khoản đăng ký kinh doanh có tính pháp lý không cao.	
3	Điều 54 quy định về “ <i>Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết</i> ”	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/02/2016 của Liên Bộ: Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính, trong quá trình thực hiện thay đổi thông tin Chủ doanh nghiệp tư nhân không quy định Cơ quan Đăng ký kinh doanh thực hiện giao dịch với Cơ quan Thuế. Vì vậy, Cơ quan Đăng ký kinh doanh không có thông tin liên quan Chủ DNTN có thành lập hoặc tham gia góp vốn thành lập trước khi chấp thuận hồ sơ. trong một số trường hợp, sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận hồ sơ thay đổi Chủ DNTN, Hệ thống thuế phản hồi và báo tên kết quả xử lý và giao dịch lỗi vì Chủ DNTN sau thay đổi hiện có thành lập và tham gia góp vốn thành lập hộ kinh doanh.	Điều chỉnh và bổ sung “ <i>Yêu cầu chuyển giao dịch qua Cơ quan Thuế</i> ” xác nhận trước khi chấp thuận hồ sơ Đăng ký thay đổi thông tin của chủ DNTN tại Điều 54 Dự thảo Nghị định như sau: “ <i>Trước khi chấp thuận đăng ký thay chủ DNTN, cơ quan Đăng ký kinh doanh thực hiện giao dịch qua Cơ quan Thuế liên quan đến việc thay đổi chủ DNTN</i> ”.
	Khoản 2 Điều 50: “ <i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ</i>	Trong trường hợp từ chối ký thì như thế nào?	Đề nghị bổ sung nội dung quy định về thẩm quyền ký trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty từ chối ký tên vào thông báo.

	<p>tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.”.</p>		
--	--	--	--

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	<p>Tại Khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “3. <i>Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư</i></p>	<p>Trong một số trường hợp, người được ủy quyền của người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp không phải là chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông góp vốn hoặc nhân viên của công ty. Như vậy, việc người được ủy quyền được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật (bao gồm thẩm quyền ký đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định, nội dung hướng dẫn trình tự thủ tục cụ thể đối với trường hợp người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật ký vào các hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p>

	<i>trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.”.</i>	ngành) có phù hợp?	
2	Quy định rõ về việc tham gia góp vốn của các Đơn vị sự nghiệp công lập (ví dụ các trường Đại học công lập tự chủ 01 phần tài chính).	Hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2020 và Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp đều chưa có nội dung hướng dẫn cụ thể về việc tham gia góp của các Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoặc tự chủ một phần về tài chính trong hoạt động thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp?	Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn về nội dung tham gia góp của các Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoặc tự chủ một phần về tài chính tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.
3	3. Điều 26 Luật Đầu tư. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp: <i>“2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế trước khi thay đổi thành viên, cổ đông nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: c) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.”</i>	Hiện nay, Phòng Đăng ký kinh doanh không có cơ sở thông tin, dữ liệu về việc các Doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài có/không sở hữu đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh? Từ đó yêu cầu Nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trước khi tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh.	Đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

UBND TỈNH LONG AN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 3815/SKHĐT-ĐKKD

V/v ý kiến với Dự thảo Nghị định
về đăng ký doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày 12 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh).

Ngày 02/10/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu các dự thảo Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản thống nhất với nội dung các dự thảo nêu trên; tuy nhiên có một số ý kiến điều chỉnh, bổ sung (*phụ lục đính kèm*).

Với nội dung trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư phản hồi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐKKD, Kiệt.



Huỳnh Văn Sơn

Phụ lục

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Công văn số /SKHĐT-ĐKKD ngày /10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

A. Ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp:

STT	Điều, Khoản tại dự thảo nghị định	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 5 Điều 26	Nên có quy định rõ “trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật”.	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác, trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật.
2	Khoản 5 Điều 33	Chưa quy định đối với trường hợp thành lập mới đối với công ty và đơn vị trực thuộc; Do đó. Nên bổ sung “Người thành lập doanh nghiệp”.	Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đã nộp hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3	Khoản 4 Điều 51	Không nhất thiết phải có kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết	Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản

		định giảm vốn điều lệ. Do chưa có quy định nội dung trong báo cáo tài chính phải phù hợp như thế nào và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính nên cắt giảm bớt thành phần báo cáo tài chính.	nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.
4	Khoản 6 Điều 74	Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này. (Nên tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải trình, có biện pháp khắc phục, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm).	Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này.
5	Khoản 5 Điều 76	Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này. (Nên tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải trình, có biện pháp khắc phục, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm).	Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

B. Ý kiến khác:

Stt	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất bổ sung
1	Thời hạn Doanh nghiệp nộp hồ sơ	Nên quy định trong nghị	Khoản 6 Điều 43 như sau: Nếu quá thời hạn 30

	giấy để nhận kết quả.	định rõ thời hạn doanh nghiệp nộp hồ sơ giấy.	ngày, kể từ ngày gửi Thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đã hợp lệ mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.
--	-----------------------	---	---

**UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *0251*/SKHĐT-ĐKKD

Thái Bình, ngày *12* tháng 10 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối Dự thảo Nghị
định về đăng ký kinh doanh

Kính gửi: Cục quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình nhận được Văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XIV; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình có một số ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định trên (*tại phụ lục gửi kèm*).

Kính đề nghị Cục quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện Dự thảo Nghị định về đăng ký kinh doanh để sớm trình Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐKKD, Ch.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Bắc

Phụ lục: Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Kèm theo Văn bản số 2251/SKHĐT-ĐKKD ngày 12/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình)

A. Ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Điều 1	Phạm vi điều chỉnh chưa đề cập đến cơ quan đăng ký, quản lý nhà nước về hộ kinh doanh	Nghị định này quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về Cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, <i>hộ kinh doanh</i> .	
2	Khoản 3 Điều 4	Điểm đ Khoản 1 Điều 126 Luật doanh nghiệp 2020 có quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp”, do vậy Nghị định cũng cần thống nhất với nội dung này	Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp	
3	Khoản 5 Điều 4	Trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ngoài giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp, còn phát sinh các giấy tờ khác về đăng ký doanh nghiệp	Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp, <i>giấy tờ khác về đăng ký doanh nghiệp</i> trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
4	Khoản 6 Điều 8	Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ngoài tỉnh nơi doanh nghiệp/chi nhánh đặt trụ sở chính; doanh nghiệp phải được cơ quan thuế nơi có địa điểm kinh doanh cấp mã số thuế, nhưng hiện tại chưa có quy định về nội dung này.	Bổ sung nội dung hướng dẫn doanh nghiệp liên hệ cơ quan thuế để được cấp mã số thuế cho địa điểm kinh doanh ngoài tỉnh nơi doanh nghiệp/chi nhánh đặt trụ sở chính.	



STT	Điều khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
5	Khoản 2 Điều 10	Hồ sơ phải có bản dịch Tiếng Việt công chứng nhưng không dịch từ bản gốc thì sao?	Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch Tiếng Việt công chứng kèm theo bản sao hợp lệ tài liệu bằng tiếng nước ngoài.	
6	Điểm b, khoản 1, Điều 14	Điều 16 Nghị định này quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện	b) Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 16 Nghị định này (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).	
7	Khoản 2 Điều 20	Nội dung kê khai tên nước ngoài, tên viết tắt của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp chưa nêu cụ thể trong Nghị định	Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ Latinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.	
8	Khoản 5 Điều 26	Nghị định chưa nêu rõ trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có liên quan đến nhận thừa kế mà người đại diện theo pháp luật bị chết thì sẽ xử lý thế nào	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có liên quan đến nhận thừa kế mà người đại diện theo pháp luật bị chết thì người đại diện theo pháp luật dự kiến là người ký giấy tờ về đăng ký doanh nghiệp	
9	Khoản 1, Điều 34	Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ vào thời điểm cuối giờ trong ngày có xác định là 01 làm việc không ?	Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc (tương ứng 72 giờ) kể từ thời điểm nhận được hồ sơ	

HỘI
S
HC
V
Đ
H

STT	Điều-khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề suất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			hợp lệ.	
10	Khoản 4 Điều 51	Nghị định chưa đề cập đến trường hợp giảm vốn điều lệ đối với công ty TNHH 1 thành viên và công ty cổ phần	Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. <i>Hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ, trừ trường hợp vốn điều lệ không được chủ sở hữu, thành viên công ty, cổ đông công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định điểm c khoản 3 điều 68, điểm b khoản 3 điều 87 và điểm c khoản 5 điều 112 của Luật này.</i>	
11	Điểm a Khoản 3 Điều 52	Nghị định chưa nêu cụ thể người đại diện pháp luật nào ký trong trường hợp thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật bị chết	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp <i>do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký. Trường hợp thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị chết thì người đại diện theo pháp luật dự kiến là người ký thông báo.</i>	
12	Điều 60	Sửa lại tiêu đề cho phù hợp nội dung kê khai tại điều này	Điều 60. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài; thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân; thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức	



B. Ý kiến góp ý khác: Không có.

K/c a. Huân → P.M → Mai Hk (15/10)

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2514/SKHĐT-ĐKKD

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo Nghị định về đăng
ký doanh nghiệp

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2391

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp và trong quá trình thực hiện nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk tổng hợp những nội dung vướng mắc và góp ý theo biểu gửi kèm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk kính gửi các nội dung góp ý để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và hoàn chỉnh Dự thảo theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Tiên



Phụ lục

KE HOẠCH SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Công văn số 2514/SKHĐT-ĐKKD ngày 13 /10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung quy định trong Dự thảo Nghị định	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Bổ sung Điều 50	Theo quy định tại khoản 6 điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 thì đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.	Trong Dự thảo Nghị định chưa có quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong trường hợp này. Đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong trường hợp quy định tại khoản 6 điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.
2	Khoản 4 Điều 51	Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. Trường hợp công ty TNHH hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm giảm vốn điều lệ.	Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đã bỏ nội dung nộp kèm báo cáo tài chính. Vì vậy, việc quy định nộp kèm báo cáo tài chính là không cần thiết vì không quy định cụ thể là nội dung báo cáo tài chính như thế nào mới được giảm vốn và Cơ quan đăng ký kinh doanh không có nghiệp vụ thẩm định báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Đề nghị không quy định nộp báo cáo tài chính trong hồ sơ giảm vốn điều lệ.

Mt. a. Huân K. P. N. → Mai H. (15/10)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3234 /BHXH-PC

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia dự thảo Nghị định về
đăng ký doanh nghiệp

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG VĂN BẢN
Số: <i>2409</i>
Ngày: <i>14</i> tháng <i>10</i> năm 20 <i>20</i>

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 6531/BKHĐT-ĐKKD ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tham gia ý kiến như sau:

Tại khoản 4, Điều 22, Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định cơ quan bảo hiểm xã hội có quyền “*Được cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy chứng nhận hoạt động hoặc giấy phép hoạt động gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận hoạt động hoặc quyết định thành lập để thực hiện đăng ký lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với doanh nghiệp, tổ chức thành lập mới*”.

Tại Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Văn phòng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ “*liên thông đăng ký thành lập doanh nghiệp và cấp mã số đơn vị bảo hiểm xã hội*”. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định về phối hợp liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khai trình lao động, cấp mã số đơn vị bảo hiểm xã hội, sử dụng hóa đơn đặt in, tự in, trong đó có nội dung quy định “*Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc được sử dụng làm mã số đơn vị bảo hiểm xã hội*”.

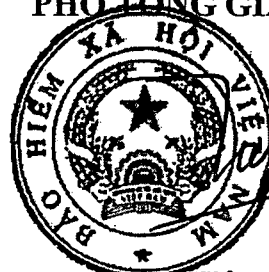
Vì vậy, để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao đồng thời thống nhất giữa các quy định của văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung: *i) Trách nhiệm cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh cho cơ quan bảo hiểm xã hội vào khoản 4 Điều 15 và khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định; ii) Quy định về việc tích hợp giữa mã số doanh nghiệp và mã số đơn vị bảo hiểm xã hội tại khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định.*

Kính gửi quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đào Việt Ánh

le a. Huan ^R → P.M ✓ → Mai Hh (15/10) ĐKKD

UBND TỈNH BẠC LIÊU
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1425 /SKHĐT-ĐKKD

Bạc Liêu, ngày 07 tháng 10 năm 2020

V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 2395 Ngày 13 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 41789
ĐẾN Ngày: 12-10-2020
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện nội dung văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở kế hoạch và Đầu tư cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo, tuy nhiên có một số ý kiến góp ý và vấn đề cần làm rõ (đính kèm Phụ lục).

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu kính gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. / *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD;
- Lưu: VP, ĐKKD(N).

KG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hải

Phụ lục

**Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp
(đính kèm văn bản số: ~~1425~~ SKHĐT-ĐKKD ngày 07 tháng 10 năm 2020**

A. Ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
01	Các quy định trong hồ sơ: thay đổi nội dung và hồ sơ thành lập Chi nhánh/văn phòng đại diện	Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông (đối với Nghị quyết, Quyết định chỉ nên chọn một trong hai văn bản trên thể hiện sự đơn giản hóa trong thủ tục hành chính)	Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông
02	Tại Khoản 5 Điều 4 quy định: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Tuy nhiên, trong hồ sơ doanh nghiệp ngoài giấy tờ được nêu còn những giấy tờ khác như: Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng ... không thấy quy định.	Tất cả hồ sơ cần có sự thống nhất trong việc đóng dấu hoặc không đóng dấu doanh nghiệp
03	Tại khoản 4 Điều 51 quy định: 4. Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. Trường hợp công ty trách nhiệm	Báo cáo tài chính như thế nào thì được giảm vốn; thời điểm gần nhất được hiểu như thế nào	Cần quy định rõ hơn về báo cáo tài chính.

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.		

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
01	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	Việc chuyển đổi loại hình có được thay đổi người địa diện pháp luật	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên không thực hiện đồng thời việc thay đổi người địa diện pháp luật.
02	Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của	Cần quy định cụ thể đối với nội dung hồ sơ này, đề xuất hai trường hợp sau

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.		

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
01	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	Việc chuyển đổi loại hình có được thay đổi người địa diện pháp luật	Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên không thực hiện đồng thời việc thay đổi người địa diện pháp luật.
02	Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	Tại các Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của	Cần quy định cụ thể đối với nội dung hồ sơ này, đề xuất hai trường hợp sau

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	ký, tuy nhiên doanh nghiệp được kết hợp nhiều nội dung trong một lần thay đổi như địa chỉ, tên, ngành nghề, thành viên, người đại diện pháp luật...	doanh nghiệp ký, Vây đối với trường hợp thay đổi nhiều nội dung bao gồm thay đổi người đại diện pháp luật ai là người ký (người mới được bổ nhiệm hay người đại diện pháp luật hiện tại).	+ Thực hiện thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật không đồng thời với những thay đổi khác + Xác định thẩm quyền ký rõ ràng.
03	Thay đổi vốn điều lệ, nhưng không làm thay đổi tỷ lệ đối với cá nhân nước ngoài, tổ chức kinh tế nước ngoài.	Thay đổi vốn, nhưng không thay đổi tỷ lệ đối với cá nhân nước ngoài, tổ chức kinh tế nước ngoài, đối với trường hợp này trong thành phần hồ sơ có văn bản chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư hay không.	Xin được hướng dẫn bổ sung
04	Giấy Ủy quyền đối với thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số.	Sử dụng một Giấy ủy quyền thực hiện nhiều nội dung như: thành lập doanh nghiệp, thành lập đơn vị trực thuộc, thay đổi nội dung, chấm dứt hoạt động... và thực hiện trong thời gian dài và nhiều năm	Cần quy định rõ đối với Giấy Ủy quyền trong trường hợp này.
05	Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ	- Trong Luật Doanh nghiệp 2020 không quy định "Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (- Cần có quy định đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân.

CP
KẾ
VÀ
NH

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	phần	<p>đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc là cổ đông (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty cổ phần)</p> <p>- Tại Nghị định không quy định đổi với trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, trong thành phần không có hợp đồng chuyển nhượng,</p>	<p>- Bổ sung thành phần hồ sơ:</p> <p>+ Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>+ Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p>
06	Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Theo khoản 3 Điều 52 Luật doanh nghiệp quy định 3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần	Cần quy định rõ hơn.

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	phần	<p>đổi với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc là cổ đông (đối với trường hợp chuyển đổi thành Công ty cổ phần)</p> <p>- Tại Nghị định không quy định đổi với trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, trong thành phần không có hợp đồng chuyển nhượng,</p>	<p>- Bổ sung thành phần hồ sơ:</p> <p>+ Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>+ Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p>
06	Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Theo khoản 3 Điều 52 Luật doanh nghiệp quy định 3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần	Cần quy định rõ hơn.

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	một thành viên	<p>vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên công ty thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.</p> <p>Vấn đề đặt ra tại đây là còn một thành viên là thành viên hiện tại hay là tổ chức và cá nhân mới nhận chuyển nhượng</p> <p>Tuy nhiên đối với trường hợp cụ thể như Điều 203 Luật doanh nghiệp 2020 (Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)¹. Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây: a) Một cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng của tất cả cổ đông còn</p>	



STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
		lại; b) Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty.	

Clca. Huan → P.M → 11/11/20 (10/20)

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 1469/SKHĐT-ĐKKD

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo Nghị định về đăng
ký doanh nghiệp

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 24.39.....

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

Với nội dung trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
		lại; b) Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty.	

F/C a. Hoàn → P. N

ĐKKD → Mai/H (19/10)

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2396 /SKHĐT-ĐKKD

V/v Góp ý dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2387
Ngày: tháng năm 2020

Phú Yên, ngày 12 tháng 10 năm 2020
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 4.2053
Ngày: 15.10.2020
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XIV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp và thực tế thực hiện; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên có một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị theo Phụ lục gửi kèm (Bản mềm được gửi về địa chỉ email: phongnghiepvudkkd@gmail.com).

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên kính báo cáo đề Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD(H, Hh)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Nguyễn Xuân Hùng



Phụ lục

đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2296/SKHĐT-ĐKKD ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên)

Ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp		Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	Điều, khoản	Nội dung quy định		
1	Khoản 1 Điều 30	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Qua trao đổi với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Yên, có một số trường hợp không cần thiết phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ví dụ: Thay đổi người đứng đầu chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng; Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng...). Việc này khiến cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên gặp vướng mắc khi tiếp nhận các hồ sơ liên quan đến tổ chức tín dụng.	Cần quy định rõ các trường hợp nào phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng.
2	Chương VI	Quy định về Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Nội dung Quyết định, Nghị Quyết, biên bản họp không còn quy định về việc phải ghi rõ các nội dung sửa đổi điều lệ.	Kiến nghị vẫn giữ nguyên việc phải ghi rõ những nội dung phải sửa đổi, bổ sung điều lệ trong Nghị quyết, quyết định, biên bản họp.

3	Điểm c Khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 52; điểm đ khoản 1 Điều 53; điểm đ khoản 1 Điều 58.	Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.	<p>Với quy định này, thực tế hiện nay, có một số doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh, thành phố khác (như: Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh...) đăng ký đầu tư tại tỉnh Phú Yên. Trước khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Nhưng sau khi được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì làm thủ tục thay đổi thành viên, có sự tham gia góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài và được Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp đăng ký thay đổi.</p> <p>Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện dự án tại tỉnh Phú Yên, bị vướng quy định đối với một số khu vực không được phép có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.</p>	Cần bổ sung quy định về hồ sơ liên quan đến việc triển khai dự án của doanh nghiệp trong hồ sơ gửi lấy ý kiến về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.
4	Khoản 2 Điều 31 (dòng thứ 2)	Công ty quỹ đầu tư chứng khoán	Sai lỗi chính tả	Công ty quỹ đầu tư chứng khoán

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1676/SKHĐT-ĐKKD
V/v tham gia góp ý kiến
đối với Dự thảo Nghị định
về đăng ký doanh nghiệp.

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 02/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi nhận được Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp; theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi tham gia đóng góp ý kiến đối với Dự thảo Nghị định để hoàn thiện, tổng hợp trình Chính phủ. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư xin có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị định và không có góp ý gì thêm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Sở phụ trách (đ/c Lộc);
- Lưu: VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Lộc

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2638/SKHĐT-ĐKKD

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 10 năm 2020

Về việc góp ý Dự thảo Nghị định về đăng
ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, đối chiếu các quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Sở Kế hoạch và Đầu tư có một số ý kiến góp ý theo Phụ lục gửi kèm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư các ý kiến góp ý để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT,ĐKKD;

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Thành Biển

PHỤ LỤC

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Công văn số 2638/SKHĐT-ĐKKD ngày 08/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh)

A. Ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất, sửa đổi bổ sung
1	Khoản 5, Điều 4	<p><i>Quy định Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu tại giấy đề nghị doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp.</i></p> <p><i>Vướng mắc: Dự thảo chỉ quy định một số giấy tờ không bắt buộc phải đóng dấu, nội dung này ở Nghị định 108/2018/NĐ-CP cũng đã có quy định và trong thực tiễn đã có vướng mắc là khi doanh nghiệp nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hoạt động, hồ sơ tiếp tục hoạt động trở lại trước thời hạn, hồ sơ giải thể, hồ sơ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp còn có các thành phần hồ sơ khác không quy định tại điều khoản này nên phải đóng dấu gây ra tranh cãi, ví dụ như Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật, Thông báo bổ sung cập nhật thông tin, giấy đề nghị hiệu đính thông tin doanh nghiệp, thông báo tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh, danh</i></p>	<p><i>Thực hiện theo tinh thần của Luật doanh nghiệp số 59/QH14 nên sửa lại là: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, bao gồm tất cả các thành phần hồ sơ theo quy định tại nghị định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</i></p>

		<i>sách thành viên, thông báo giải thể doanh nghiệp</i>	
2	<i>Điều 26</i>	<p>Điều 26 của dự thảo Nghị định hướng dẫn về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, trong đó có quy định hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này. Qua rà soát các thành phần hồ sơ quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này thì có một thành phần hồ sơ không phù hợp đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đó là thành phần: “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành”. Thành phần này chỉ áp dụng đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp, còn trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi chỉ xảy ra đối với nội dung góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vì vậy khi chuyển nhượng mà có trường hợp góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài thì phải yêu cầu thành phần hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư số 61/2020.</p>	<p>Đối với từng trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp nên hướng dẫn rõ từng thành phần hồ sơ, không ghi chung hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 22, 23 và 24 Nghị định này.</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: <i>“Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành”</i></p> <p>- Bổ sung thành phần hồ sơ: <i>“Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư 2020.</i></p>
3	<i>Khoản 2 Điều 32</i>	Hồ sơ lập địa điểm kinh doanh chỉ có Thông báo lập địa điểm kinh doanh, không có kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu địa điểm, nội dung này sẽ gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong quá trình xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh	Bổ sung tại Khoản 2 Điều 32 Dự thảo Nghị định: Kèm theo Thông báo lập địa điểm kinh doanh phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu địa điểm kinh doanh. -

		doanh không có dữ liệu để đối chiếu thông tin của người đứng đầu địa điểm doanh nghiệp kê khai tại hồ sơ vì có nhiều trường hợp người đứng đầu địa điểm kinh doanh không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hay người đứng đầu chi nhánh.	
4	<i>Khoản 1, Khoản 4 Điều 39</i>	Tại Điều 39 hướng dẫn về các trường hợp hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh do bị sai nhưng không có hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi lại bản sai nên sẽ gây ra một số trường hợp tranh chấp khi cấp lại bản đúng mà không thu bản sai và sẽ có trường hợp doanh nghiệp đi giao dịch cả bản đúng và bản sai.	Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung tại khoản 1, Khoản 4 “ Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin kèm theo bản gốc giấy chứng nhận ĐKDN, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh bị sai đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp/chi nhánh/ văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại trong thời hạn 03

			ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.”
5	<i>Khoản 4 Điều 51</i>	<i>Khoản 4 Điều 51 hướng dẫn về thành phần hồ sơ giảm vốn điều lệ, có quy định đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật doanh nghiệp thì hồ sơ giảm vốn phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.</i>	
6	<i>Khoản 4 Điều 52</i>	<i>Khoản 4 Điều 52 quy định: “Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 48 Luật doanh nghiệp..” nhưng tại Luật doanh nghiệp số 59/QH-2020 thì Điều 48 là điều quy định về Sổ đăng ký thành viên, Điều 47 quy định về góp vốn công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp</i>	Sửa lại như sau: “Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật doanh nghiệp..”
7	<i>Khoản 5 Điều 52 và khoản 4 Điều 53</i>	<i>Trường hợp thay đổi thành viên do cho, tặng vốn góp/ thay đổi chủ sở hữu do cho, tặng vốn góp có yêu cầu thành phần hồ sơ: “ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư 2020” hay không? Nội dung này tại Luật đầu tư chưa có quy định nên gây lúng túng cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn và giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</i>	Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này.

8	Điều 56	Điều 56 hướng dẫn về thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh, qua rà soát thì có nội dung nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì thành phần hồ sơ có yêu cầu thêm ý kiến của cơ quan đăng ký đầu tư hay không? Vì có một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện có quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, điều này gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn và giải quyết hồ sơ doanh nghiệp.	<i>Bổ sung, hướng dẫn thêm đối với trường hợp bổ sung ngành nghề của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vì thực tế đã có nhiều trường hợp tranh cãi, chưa thống nhất về nội dung bổ sung thêm ngành nghề đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>
9	Điều 57		<i>Bổ sung thêm nội dung quy định về trường hợp doanh nghiệp không thực hiện thông báo thay đổi theo đúng thời gian quy định của Luật doanh nghiệp thì sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.</i>
10	Điều 71		<i>Bổ sung thêm thành phần bản gốc giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</i>

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất, sửa đổi bổ sung
1	<i>Chuyển đổi từ công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty TNHH</i>	<i>Thực tế đã có nhiều trường hợp doanh nghiệp hỏi công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh có được chuyển đổi loại hình thành doanh nghiệp tư nhân hay</i>	<i>Đề nghị cơ quan soạn thảo đối với trường hợp Công ty cổ phần, công ty-tnhh, công ty hợp danh có được</i>

	<i>thành Doanh nghiệp tư nhân</i>	<i>không. Vấn đề này trong Luật doanh nghiệp không có quy định và Nghị định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp không có hướng dẫn mặc dù Điều 205 Luật doanh nghiệp số 59/2020 có quy định về trường hợp Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty hợp danh, công ty cổ phần, nên nội dung này đã gây lúng túng cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn, trả lời cho doanh nghiệp.</i>	<i>chuyển đổi thành Doanh nghiệp tư nhân không?</i>
2	<i>Vấn đề giảm vốn Điều lệ: Tại khoản 4 Điều 51 hướng dẫn về thành phần hồ sơ giảm vốn điều lệ, có quy định đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật doanh nghiệp thì hồ sơ giảm vốn phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.</i>	<i>Vậy đối với thành phần hồ sơ giảm vốn của Công ty TNHH một thành viên theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 87 và thành phần hồ sơ giảm vốn đối với công ty cổ phần quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 112 luật doanh nghiệp có yêu cầu hồ sơ giảm vốn phải kèm báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn? tại sao chỉ yêu cầu thành phần báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 68 Luật doanh nghiệp</i>	<i>Về thành phần thay đổi giảm vốn điều lệ của các loại hình doanh nghiệp nên có quy định cụ thể tại một Điều riêng trong Nghị định hướng dẫn.</i>
3	<i>Nội dung giảm vốn điều lệ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tăng lên</i>	<i>Trường hợp giảm vốn điều lệ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tăng lên thì trong hồ sơ cần có những thành phần nào? nên có hướng dẫn cụ thể. Trường hợp giảm vốn điều lệ mà yêu cầu thành phần: “</i>	<i>Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về thành phần hồ sơ đối với trường hợp giảm vốn điều lệ làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, vì tại Luật đầu tư cũng không có</i>

	<p><i>Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư 2020” thì không phù hợp vì trong trường hợp này nhà đầu tư nước ngoài không thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.</i></p> <p>Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản 3190/BKHĐT-ĐKKD ngày 15/5/2020 hướng dẫn là: “...Việc cổ đông là nhà đầu tư không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp phải đăng ký giảm vốn điều lệ không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư”.</p> <p>Tuy nhiên nội dung này vẫn còn nhiều tranh cãi, chưa thống nhất.</p>	<p><i>quy định đối với trường hợp giảm vốn điều lệ làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải làm thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, điều này gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong hướng dẫn và giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.</i></p>
--	--	--

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1456 /SKH&ĐT-ĐKKD

Phú Thọ, ngày 12 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh
nghiệp.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ tham gia ý kiến tại Điều 51 và Điều 52 của Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (có phụ lục gửi kèm).

Trên đây là ý kiến tham gia vào Dự thảo Nghị định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- GD; PGD (Ô.Quân);
- Lưu: VT; ĐKKD (L-06b).

KT. GIÁM ĐỐC
CHỖ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: sokhdt@phutho.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Nguyễn Hải Quân

PHỤ LỤC

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo văn bản số 1456 /KH&ĐT-ĐKKD ngày 12 /10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ)

STT	Điều, khoản tại dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 2 Điều 51	Việc thay đổi tỷ lệ phần vốn góp của thành viên có thể dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế.	Bổ sung nội dung: Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư năm 2020.
2	Khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 52	Việc thay đổi thành viên do thừa kế, do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn, do tặng cho phần vốn góp, thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ dẫn đến thành viên công ty sau khi thay đổi là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.	Bổ sung nội dung: Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư năm 2020.

UBND TỈNH VĨNH LONG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2509 /SKHĐT-ĐKKD

V/v đóng góp ý kiến đối với Dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh Long, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện tinh thần Công văn số 6516/BKHĐT- ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đóng góp ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long xin có ý kiến đóng góp theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm:

Các nội dung khác thống nhất theo dự thảo.

Trên đây là những ý kiến đóng góp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Kế hoạch - Đầu tư
Tỉnh Vĩnh Long
skehoach@vinhlong.gov.vn
Giờ ký: 2020.10.12 07:26:12 +07:00

Phạm Minh Thiện

Phụ lục

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Công văn số 2509 /SKHĐT-ĐKKD ngày 09/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

A. Ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp:

STT	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 1, Điều 5	Bổ sung thêm đối tượng đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, VPĐD, ĐĐKD) vào quyền thành lập	1. Việc thành lập doanh nghiệp <i>và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, VPĐD, ĐĐKD)</i> theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ.
2	Khoản 2, Điều 11	Nên có quy định đối với trường hợp các hộ chiếu nước ngoài không hợp pháp tại Việt Nam	2. Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài hợp pháp còn hiệu lực.
3	Khoản 2, Điều 47	Bổ sung xác nhận của cơ quan Thuế về tình trạng thuế khi chuyển trụ sở	c) Xác nhận tình trạng thuế của cơ quan thuế nơi chuyển đi
4	Khoản 1, Điều 76	Bổ sung trường hợp Phòng ĐKKD yêu cầu báo cáo nhưng doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo giải trình không được cơ quan ĐKKD chấp thuận	d) Không báo cáo theo yêu cầu của phòng ĐKKD hoặc báo cáo giải trình không được phòng ĐKKD chấp thuận
5	Khoản 4, Điều 87	Bổ sung trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hộ kinh doanh phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm	4. Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hộ kinh doanh phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan

		theo quy định của pháp luật về thuế.	<i>thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.</i> Hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt địa chỉ mới. Hồ sơ phải có bản sao các giấy tờ sau đây: a)..... b)..... c)..... d) Xác nhận tình trạng thuế của cơ quan thuế nơi chuyển đi
--	--	--------------------------------------	---

B/ Ý kiến đóng góp khác: /

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2116/SKHĐT-ĐKKD
V/v góp ý Dự thảo Nghị định
về đăng ký doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 9 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang xin có một số ý kiến góp ý như sau:

(Đính kèm Phụ lục Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp)

Sở Kế hoạch và Đầu tư xin gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc Sở KHĐT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: ĐKKD, VT.



CV Phụ lục góp ý
NĐ.docx

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Kế hoạch và
Đầu tư
Email:
sokhdt@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 12.10.2020

Phạm Thành Nhơn

Phụ lục

Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

A. Ý kiến đối với Dự thảo về đăng ký doanh nghiệp

Stt	Điều, khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	Khoản 5 Điều 4	<p>Dự thảo quy định: “<i>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</i>”.</p> <p>Tuy nhiên hồ sơ đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi, bổ sung còn rất nhiều loại giấy tờ khác ngoài những giấy tờ quy định trên.</p>	Các giấy tờ, biểu mẫu theo Luật Doanh nghiệp và do doanh nghiệp tự phát hành không bắt buộc phải đóng dấu trừ các trường hợp giấy tờ do các cơ quan, tổ chức khác ban hành
	Khoản 5 Điều 26	Trường doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi: người đại diện theo pháp luật, chủ tịch HĐQT, chủ tịch HĐQT thì cán bộ đăng ký kinh doanh rất lúng túng khi hướng dẫn người có thẩm quyền ký vào các hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung (thực tế rất nhiều trường hợp “bán doanh nghiệp” đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp).	Đề nghị quy định thêm điều khoản hoặc hướng dẫn người ký trong các trường hợp chuyển đổi loại hình đồng thời thay đổi người quản lý doanh nghiệp (người đại diện theo pháp luật, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng quản trị...) ví dụ: Công ty Cổ phần chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty TNHH 02 viên trở lên bằng cách các cổ đông chuyển nhượng hết các cổ

			phân cho các thành viên mới. Trường hợp này thì ai là người ký nghị quyết, biên bản họp là cổ đông cũ hay thành viên mới vì việc chuyển đổi này là do ý nguyện của các thành viên mới.
1	Khoản 2 Điều 35	Dự thảo chưa quy định thời gian doanh nghiệp đăng ký hoạt động tối đa sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vì trên thực tế đã có doanh nghiệp có đặt vấn đề này và ghi khoản thời gian hoạt động khá lâu so với ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc này sẽ gây khó khăn cho công tác thống kê báo cáo, doanh nghiệp lợi dụng điều này để giữ tên hoặc trốn tránh việc khai báo thuế.	Thời gian doanh nghiệp đăng ký hoạt động tối đa không quá 01 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
	Khoản 1 Điều 47	Mặc dù quy định “Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế” nhưng trên thực tế rất nhiều trường hợp bị từ chối hồ sơ do “doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế” mặc dù doanh nghiệp đã liên hệ với cơ quan thuế và được cơ quan thuế hướng dẫn nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng trên hệ thống thông tin thuế thì chưa kịp ghi nhận thông tin doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục liên quan. Do đó, sau thời gian hẹn trả kết quả “từ chối hồ sơ” doanh nghiệp	Đối với thủ tục này đề nghị bổ sung thêm giấy tờ chứng minh doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục liên quan thuế hoặc có “nút” kiểm tra ban đầu và quy định cán bộ được quyền từ chối nếu kiểm tra phát hiện doanh nghiệp chưa hoàn thành các thủ tục liên quan đến cơ quan thuế

		phải quay về làm lại từ đầu.	
Khoản 4 Điều 51	<p>Thứ nhất: Báo cáo tài chính do doanh nghiệp tự lập và tự chịu trách nhiệm khi cho cơ quan đăng ký kinh doanh cũng không có tính xác thực.</p> <p>Thứ hai: Phát sinh thêm thủ tục giấy tờ</p> <p>Thứ ba: Dự thảo đã quy định “Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn”. Cho nên việc yêu cầu doanh nghiệp nộp thêm báo cáo tài chính</p> <p>Thứ tư: Nghị định số 108/2018/NĐ-CP đã bỏ báo cáo tài chính khi doanh nghiệp giảm vốn</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên giống như Nghị định số 108/2018/NĐ-CP như sau: Trường hợp giảm vốn Điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các Khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.</p>	

B. Ý kiến đóng góp khác

Stt	Vấn đề	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Loại giấy tờ nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh	<p>- Trong dự thảo ghi: + Nghị quyết, Quyết định + Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp. + Hợp đồng tặng cho hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp nhưng không quy định rõ là bản sao, bản chụp, bản sao y.....</p>	Quy định rõ các loại giấy tờ như: Quyết định/ Nghị quyết, hợp đồng chuyển nhượng..... là bản sao



Sở Kế hoạch
và Đầu tư
Tỉnh Trà Vinh
09.10.2020
13:44:53
+07:00

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2032 /SKHĐT-ĐKKD
V/v góp ý dự thảo Nghị định về
đăng ký doanh nghiệp

Trà Vinh, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 05/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp,

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đóng góp ý kiến như sau:

Đề nghị bổ sung thêm điểm d Khoản 1 Điều 50 “doanh nghiệp không được gộp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung thay đổi khác” (*Đính kèm phụ lục ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp*).

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp .*18*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD'Sở,
- Lưu: VP, ĐKKD, 3

KI GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồng Ngọc Hồng



Phụ lục

Ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp
(Kèm theo Công văn số 2032 / SKHDT-ĐKKD ngày 09/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

A. Ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều, khoản dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 1 Điều 50	Tránh được rủi ro về mặt pháp lý trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp	Bổ sung thêm điểm d Khoản 1 Điều 50 “doanh nghiệp không được gộp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung thay đổi khác”

B. Ý kiến đóng góp khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Không có	Không có	Không có

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1418/SKH&ĐT-ĐKKD
V/v góp ý Dự thảo Nghị định
về đăng ký doanh nghiệp

Nam Định, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 6515/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về Đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định tham gia ý kiến góp ý với nội dung sau:

1. Điều 14. Cơ quan đăng ký kinh doanh

Điểm b Khoản 1 Điều 14 có ghi: “Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại **Điều 15** Nghị định này”

Đề nghị sửa lại: “Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại **Điều 16** Nghị định này”

2. Điều 26. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình

Khoản 5 điều 26 “Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi”

Đề nghị nêu rõ:

- Trường hợp kèm theo hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi (ví dụ: Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp A chuyển thành doanh nghiệp B) đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác: Nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác, được thực hiện đối với doanh nghiệp A hay doanh nghiệp B);

- Trường hợp không kèm hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi thì nói rõ trong khoản 5 Điều 26.

3. Đề nghị bỏ khoản 4 Điều 32 “Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở gửi

thông tin đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính”

(Vi thông tin lập chi nhánh, văn phòng đại diện đã được cập nhật trên hệ thống)

4. Điều 50. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; Điều 53. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Điểm a Khoản 1 Điều 50 có ghi: “Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch công ty, hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký. Trường hợp Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị mới là người ký thông báo”

- Khoản 1 Điều 53 có ghi: “Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký:

Thực tế xảy ra: Trường hợp Doanh nghiệp vừa nộp hồ sơ thay đổi chủ sở hữu, thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời nộp hồ sơ thay đổi các nội dung khác như: thay đổi thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh...thì người đại diện pháp luật ký thông báo trong trường hợp này là người đại diện đang có tên trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia hay người đại diện mới theo quyết định của doanh nghiệp. (*Đề nghị làm rõ vấn đề này để cán bộ thụ lý hồ sơ cho đúng*);

Đề nghị: Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi, trong thông báo của phục lục Thông tư hướng dẫn Nghị định về đăng ký doanh nghiệp nội dung chữ ký người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gồm người đại diện theo pháp luật hiện tại và người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi ký, ghi rõ họ tên).

5. Điều 52. Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Khoản 4 Điều 52 có ghi: “Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại **Điều 48** Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây”

*Đề nghị sửa lại: “Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại **Điều 47** Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây”*

6. Điều 62. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi

nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Khoản 2 Điều 62 “Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện”

Đề nghị sửa: “Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi”

Bổ sung Khoản 5 Điều 62: Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp liên quan đến mục hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp thì các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của những doanh nghiệp nêu trên phải thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định của điều này.

7. Điều 74. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Khoản 6 Điều 74 có ghi: “Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. Tuy nhiên Khoản 7 Điều 74 có ghi: “Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này”. Vấn đề ở đây là nếu phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện ngay việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thì không còn thời gian để doanh nghiệp báo cáo, giải trình theo Khoản 7 điều này.

Đề nghị sửa lại: “Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự quy định tại khoản 4 Điều này”.

8. Điều 76. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện

Khoản 7 Điều 76 có ghi “Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại **Khoản 1 Điều 60** Nghị định này”.

Đề nghị sửa lại: “*Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại **Khoản 1 Điều 71** Nghị định này*”.

9. Điều 90. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Điều đ Khoản 1 Điều 90 có ghi “Không báo cáo về tình hình kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định tại **Khoản 1 Điều 13** Nghị định này”.

Đề nghị sửa lại: “*Không báo cáo về tình hình kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định tại **Khoản 6 Điều 16** Nghị định này*”.

Trên đây là tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định trân trọng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Văn Hoàng

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2325 /SKHĐT-ĐKKD

Hà Giang, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với Dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện công văn số: 6516/BKHĐT-ĐKKD, ngày 02/10/2020 V/v xin
ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà
Giang nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp do Ban
soạn thảo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Giang kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để
tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Cơ quan: Tỉnh Hà Giang
Ngày ký: 09-10-2020 17:13:50
+07:00

Trần Thị Thanh Hương

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2226 /KHĐT-ĐKKD
V/v góp ý đối với Dự thảo Nghị
định về đăng ký doanh nghiệp

Ninh Bình, ngày 09 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu nội dung bản dự thảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình góp ý như sau:

Về cơ bản nhất trí với các nội dung bản Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau theo phụ lục gửi kèm.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Bình trân trọng góp ý./ *ĐVP*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - PGĐ Đỗ Văn Phong;
 - Lưu: VT, ĐKKD. *ĐVP*
- cvt

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Phong

Ý KIẾN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI DỰ THẢO VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

(Kèm theo văn bản số/KHĐT-ĐKKD ngày...../10/2020)

A. Ý kiến đóng góp với Dự thảo về đăng ký doanh nghiệp

STT	Điều, khoản tại Dự thảo về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi bổ sung
1	Mục C, Khoản 2, Điều 33	Nếu không có số điện thoại liên hệ, các cơ quan đăng ký kinh doanh không thể thông báo kịp thời tình trạng hồ sơ nếu cần chỉnh sửa	Có địa chỉ liên lạc, số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
2	Mục d, Khoản 1, Điều 53	Nếu không bổ sung chữ "hoặc" sẽ tự làm khó cho cơ quan đăng ký kinh doanh	Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp
3	Bổ sung Điều 3	Nhiều hồ sơ danh nghiệp đăng ký qua mạng điện tử được tạo qua điện thoại thông minh bằng phai ảnh (không được Scan trực tiếp từ bản giấy) nhiều khi hình ảnh không rõ nét, phông chữ, khổ giấy bị méo, không thể hiện được chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy.	10. Văn bản điện tử là dữ liệu điện tử được tạo trực tuyến hoặc được quét (scan) từ văn bản giấy theo định dạng ".doc" hoặc ".pdf" và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy

B. Ý kiến góp ý khác

STT	Vấn đề	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi bổ sung

**UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2221/SKHĐT-ĐKKD
V/v góp ý kiến đối với Dự thảo Nghị
định về đăng ký doanh nghiệp

Bến Tre, ngày 07 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ
Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo, không có ý kiến ý đóng góp khác.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD.

GIÁM ĐỐC



Sở Kế Hoạch và Đầu tư
Tỉnh Bến Tre
08-10-2020 09:14:07
+07:00

Nguyễn Minh Cảnh

UBND TỈNH KON TUM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2491 /SKHĐT-ĐKKD

V/v tham gia ý kiến đối với Dự
thảo Nghị định về đăng ký DN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 07 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện nội dung văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp;

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum tham gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp tại biểu tổng hợp kèm theo.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐKKD, HTBT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Văn Mạnh

Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

(Kèm theo văn bản số/SKHĐT-ĐKKD ngày/10/2020)

A. Đối với Dự thảo Nghị định:

TT	Điều khoản tại Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Nội dung vướng mắc	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 5 Điều 4 quy định về sử dụng con dấu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Việc quy định chi tiết các thành phần hồ sơ không bắt buộc đóng dấu sẽ phát sinh những thành phần bắt buộc đóng dấu trong hồ sơ đăng ký DN	Doanh nghiệp không bắt buộc đóng dấu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
2	Điều 69 quy định về thời hạn xử lý hồ sơ Thông báo giải thể doanh nghiệp là 01 ngày làm việc.	Việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ ĐKKD ở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đã chiếm ít nhất 0,5 ngày để luân chuyển hồ sơ. Do vậy, việc quy định thời hạn xử lý dưới 02 ngày không đảm bảo việc trả kết quả đúng hạn.	Đề xuất sửa đổi lại: 03 ngày làm việc.
	Điều 72 quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày các công ty bị hợp nhất, sáp nhập được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp; Phòng ĐKKD thực hiện chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập	Ngay khi Công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì đồng thời các Công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập cũng hết hiệu lực pháp lý. Quyền và nghĩa vụ của các Công ty cũ được Công ty mới kế thừa. Do vậy, có thể rút ngắn thời gian xử lý chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập để đảm bảo dữ liệu về doanh nghiệp được đồng bộ.	Đề xuất sửa đổi lại: “Trong thời hạn 01 ngày làm việc”, hoặc: DN nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt tồn tại đối với Công ty bị hợp nhất, sáp nhập đồng thời với hồ sơ đăng ký sáp nhập, hợp nhất.

B. Ý kiến khác: Không

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: 1830 /SKHĐT-ĐKKD

Lai Châu, ngày 07 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị
định về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc sở (b/c);
- Lưu: VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lù Văn Quân

**UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1284 /SKHĐT-ĐKKD
V/v góp ý đối với Dự thảo Nghị
định về đăng ký doanh nghiệp

Cao Bằng, ngày 06 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng nhận được công văn số 6516/BKHĐT-ĐKKD ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: sokhdt@caobang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 06/10/2020 15:20:13

Bế Thị Tú Hằng